

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
triển khai thực hiện Chương trình nghị sự 2030
vì sự phát triển bền vững của tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững; Quyết định số 2622/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 tầm nhìn 2030 và các quy hoạch chuyên ngành đã được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt; UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, với những nội dung chính như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa và phân công rõ nhiệm vụ, trách nhiệm các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2. Yêu cầu

- Quán triệt quan điểm, mục tiêu, định hướng của Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, gắn nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh.

- Nghiên cứu, đề xuất và thực hiện có hiệu quả các giải pháp nhằm đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch hành động, báo cáo kết quả thực hiện định kỳ và theo yêu cầu của UBND tỉnh.

II. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong quá trình phát triển tỉnh Quảng Ninh kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội và bảo vệ tài nguyên, môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền quốc gia.

2. Phát triển bền vững là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, các cấp chính quyền từ tỉnh đến cơ sở; các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư và mỗi người dân. Huy động mọi nguồn lực xã hội; tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương, các cơ quan, tổ chức, đoàn thể,

doanh nghiệp và các bên liên quan nhằm đảm bảo thực hiện thành công các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030.

3. Con người là trung tâm của phát triển bền vững. Phát huy tối đa nhân tố con người với vai trò là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của phát triển bền vững. Đáp ứng ngày càng đầy đủ hơn nhu cầu vật chất và tinh thần của mọi tầng lớp nhân dân; xây dựng tỉnh Quảng Ninh giàu mạnh, văn minh, hiện đại.

4. Tạo điều kiện để mọi người và mọi cộng đồng trong xã hội có cơ hội bình đẳng để phát triển, được tiếp cận những nguồn lực chung và được tham gia, đóng góp và hưởng lợi, tạo ra những nền tảng vật chất, tri thức và văn hóa tốt đẹp cho những thế hệ mai sau. Đảm bảo an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, không để ai bị bỏ lại phía sau, nhất là người nghèo, người khuyết tật, người dân vùng sâu, vùng xa, hải đảo, biên giới và những đối tượng dễ bị tổn thương khác.

5. Khoa học và công nghệ là nền tảng, là động lực cho phát triển bền vững. Công nghệ hiện đại, sạch và thân thiện với môi trường cần được ưu tiên sử dụng rộng rãi trong các ngành sản xuất.

III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẾN NĂM 2030 CỦA TỈNH QUẢNG NINH

1. Mục tiêu tổng quát

Duy trì tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái, quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng: dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp; có nhiều sản phẩm với hàm lượng công nghệ, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh cao; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ngày càng đồng bộ, hiện đại; văn hóa - xã hội, giáo dục và đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển; an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện và nâng cao; quốc phòng, an ninh được củng cố vững chắc; quan hệ đối ngoại được mở rộng, nâng cao vị thế và uy tín của tỉnh Quảng Ninh.

2. Các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 của tỉnh Quảng Ninh

- Mục tiêu 1: Chấm dứt mọi hình thức nghèo trên địa bàn.
- Mục tiêu 2: Bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững.
- Mục tiêu 3: Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi.
- Mục tiêu 4: Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người.
- Mục tiêu 5: Đạt được bình đẳng giới; tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái.
- Mục tiêu 6: Đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người.

- Mục tiêu 7: Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho tất cả mọi người.
- Mục tiêu 8: Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và làm việc tốt cho tất cả mọi người.
- Mục tiêu 9: Xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững, tăng cường đổi mới.
- Mục tiêu 10: Giảm bất bình đẳng trong xã hội.
- Mục tiêu 11: Phát triển đô thị, nông thôn bền vững, có khả năng chống chịu; đảm bảo môi trường sống và làm việc an toàn; phân bổ hợp lý dân cư và lao động theo vùng.
- Mục tiêu 12: Đảm bảo sản xuất và tiêu dùng bền vững.
- Mục tiêu 13: Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai.
- Mục tiêu 14: Bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và nguồn lợi biển để phát triển bền vững.
- Mục tiêu 15: Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi môi trường đất.
- Mục tiêu 16: Thúc đẩy xã hội hòa bình, công bằng, bình đẳng vì phát triển bền vững, tạo khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người; xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và có sự tham gia ở các cấp.
- Mục tiêu 17: Tăng cường phương thức thực hiện và thúc đẩy đối tác toàn cầu vì sự phát triển bền vững.
- Mục tiêu 18: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.
- Mục tiêu 19. Thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước.

IV. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU VÀ PHÂN KỲ THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ chủ yếu thực hiện trong giai đoạn 2018 - 2020

a) Rà soát cơ chế chính sách, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, đảm bảo khung pháp lý đầy đủ phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh.

b) Trong quý II năm 2018 các sở, ngành, địa phương hoàn thành việc xây dựng Kế hoạch hành động cụ thể để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030.

c) Thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về các mục tiêu phát triển bền vững và Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Từng bước đưa nội dung giáo dục phát triển bền vững, các mục tiêu phát triển bền vững vào giảng dạy trong hệ thống giáo dục và đào tạo các cấp.

d) Lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững trong quá trình xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, các chiến lược, chính sách, quy hoạch phát triển của tỉnh, ngành và các địa phương. Đến năm 2020, lồng ghép đầy đủ các mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh Quảng Ninh vào nội dung kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch phát triển ngành của tỉnh trong giai đoạn 2021-2030.

đ) Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao để phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo các mục tiêu phát triển bền vững ở mọi lĩnh vực, chú trọng đến đội ngũ cán bộ lãnh đạo, hoạch định chính sách.

e) Giám sát, đánh giá, báo cáo thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Trước ngày 01 tháng 12 hàng năm, các sở, ban, ngành và địa phương liên quan xây dựng báo cáo tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

2. Nhiệm vụ chủ yếu thực hiện trong giai đoạn 2021-2030

a) Triển khai toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch hành động để thực hiện thành công các mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh đến năm 2030.

b) Tăng cường huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, tập trung nguồn lực nhằm giải quyết những vướng mắc, các lĩnh vực gặp khó khăn trong quá trình thực hiện Kế hoạch hành động.

c) Triển khai thực hiện cơ sở dữ liệu các mục tiêu phát triển bền vững, cơ chế thu thập thông tin dữ liệu phục vụ giám sát, đánh giá các mục tiêu phát triển bền vững; vận hành hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu về các mục tiêu phát triển bền vững; công khai thông tin về kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững để chia sẻ với các bên liên quan nhằm khai thác có hiệu quả cơ sở dữ liệu này để phục vụ công tác hoạch định chính sách.

d) Tiếp tục phát triển nguồn lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao ở mọi lĩnh vực để phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội theo các mục tiêu phát triển bền vững, chú trọng đến đội ngũ cán bộ lãnh đạo, hoạch định chính sách.

đ) Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển giao công nghệ để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Chú trọng phát triển công nghệ môi trường, công nghệ sạch, công nghệ năng lượng mới.

e) Tiếp tục triển khai hiệu quả công tác giám sát, đánh giá, báo cáo tiến độ thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Đến năm 2025, thực hiện đánh giá giữa kỳ giai đoạn 2021- 2030 kết quả thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Đến năm 2030, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững kết hợp với đánh giá kết quả thực hiện báo cáo Việt Nam 2035 và chuẩn bị xây dựng các mục tiêu phát triển bền vững cho thời kỳ tiếp theo.

3. Các nhiệm vụ cụ thể của các sở, ban, ngành, đơn vị, UBND các huyện thị xã, thành phố nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 được ban hành theo Phụ lục ban hành tại Kế hoạch này.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao nhận thức và hành động của toàn xã hội về phát triển bền vững và các mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh Quảng Ninh.

2. Huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, cộng đồng doanh nghiệp, cộng đồng dân cư trong thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Tăng cường vai trò Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội giám sát thực hiện và phản biện xã hội trong quá trình triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

3. Huy động các nguồn lực để triển khai thực hiện Kế hoạch hành động:

a) Tăng cường nguồn lực tài chính công thông qua việc nâng cao hiệu quả hệ thống thuế, chính sách thuế; tiết kiệm chi tiêu công; đổi mới quản lý tài chính công theo hướng công khai, minh bạch.

b) Huy động các nguồn lực xã hội cho thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Trong xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của các cấp, các ngành, bên cạnh nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, tập trung huy động các nguồn lực xã hội khác, đặc biệt từ khu vực doanh nghiệp, khu vực tư nhân để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

c) Xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách cụ thể để huy động các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực từ khu vực tư nhân để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

4. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành, sự phối hợp giữa các cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp, các tổ chức chính trị, xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và sự phối hợp giữa cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

5. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh công khai, minh bạch trong sử dụng ngân sách nhà nước, trong phân bổ nguồn lực.

6. Chủ động hợp tác quốc tế trong quá trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của quốc gia; tích cực tham gia và tổ chức các hoạt động chia sẻ, học tập kinh nghiệm và nâng cao năng lực thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững; đồng thời tập trung giải quyết những thách thức trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ trách nhiệm được phân công tại Kế hoạch hành động này:

- Tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, linh hoạt, hiệu quả các nhiệm vụ, mục tiêu trong Kế hoạch đề ra.

- Tăng cường phối hợp triển khai thực hiện giữa các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố; đồng thời, phối hợp chặt chẽ với Cơ quan Khôi Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ nêu trong Kế hoạch hành động.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện Kế hoạch hành động, tổng hợp báo cáo định kỳ hàng năm, kết quả thực hiện và khó khăn vướng mắc cần tháo gỡ, đề xuất kiến nghị gửi UBND tỉnh trước ngày 01/12 hằng năm (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và gửi các Bộ, Ngành Trung ương theo yêu cầu.

2. Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể tại Kế hoạch hành động này, các đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh theo phân công của UBND tỉnh, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thuộc lĩnh vực được giao, đảm bảo thực hiện thắng lợi Kế hoạch hành động của tỉnh Quảng Ninh thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

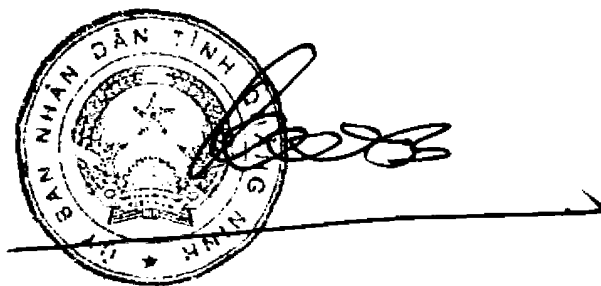
3. Đề nghị Khối Cơ quan Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên cùng các tầng lớp nhân dân đoàn kết, chung sức, đồng lòng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ tại Kế hoạch hành động này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (B/cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (B/cáo);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Khối UB MTTQ tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- V0, V1, V2, V3, V5;
- Các CV NCTH VP.UBND tỉnh;
- Tr.tâm Thông tin - VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH6.

CV68

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Long

PHỤ LỤC

NỘI DUNG KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA TỈNH QUẢNG NINH THỰC HIỆN

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ 2030 VỀ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

(Kèm theo Kế hoạch số: 86 /KH-UBND ngày 29/5/2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh)



	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
Mục tiêu 1: Chấm dứt mọi hình thức nghèo trên địa bàn		
<p>Mục tiêu 1.1: Đến năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh còn 1,06%; đến năm 2030 tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 1% (theo tiêu chí chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều)</p>	<p>Chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; Khối cơ quan MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội; UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; đảm bảo đạt mục tiêu đã đặt ra của Chương trình, chú ý giảm nghèo bền vững đối với đối tượng nghèo thuộc nhóm dễ bị tổn thương, dân tộc thiểu số, người khuyết tật, phụ nữ, trẻ em; Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các chính sách giảm nghèo, nhất là chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số; chuyển dần sang hỗ trợ có điều kiện gắn với đối tượng, địa bàn và thời hạn thụ hưởng nhằm khuyến khích sự tích cực, chủ động tham gia của người nghèo. - Cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo, bảo đảm thu nhập bình quân của hộ nghèo cả tỉnh cuối năm 2020 tăng trên 4 lần so với năm 2010. - Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả cơ chế, chính sách giảm nghèo để cải thiện điều kiện sống và tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người nghèo. Thực thi hiệu quả các chiến lược, chính sách phù hợp hướng tới giảm nghèo và bình đẳng giới nhằm tăng nguồn lực cho hoạt động giảm nghèo bền vững. - Tập trung đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở các xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo tiêu chí nông thôn mới, trước hết là hạ tầng thiết yếu như giao thông, trường học, trạm y tế, thủy lợi nhỏ, nước sinh hoạt. Đến năm 2020, đưa 20 xã và 54 thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh ra khỏi diện đặc biệt khó khăn, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135. - Thúc đẩy lồng ghép yếu tố giới và trẻ em trong chính sách giảm nghèo. - Xây dựng hệ thống dữ liệu theo dõi giảm nghèo đa chiều, chú ý tới phân tổ theo nhóm giới, tuổi, địa lý. - Tăng cường giám sát, kiểm tra việc thực hiện chính sách hỗ trợ giảm nghèo với sự tham gia của người dân. - Huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực trong và ngoài nước cho các chương trình và chính sách xóa nghèo.

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
<p>Mục tiêu số 1.2: Triển khai các biện pháp an sinh xã hội thích hợp cho mọi người, bao gồm cả các chính sách an sinh xã hội và đến năm 2020 đạt được diện bao phủ 100% cho người nghèo và những người dễ bị tổn thương</p>	<p>Chủ trì: Sở Lao động- Thương binh và Xã hội.</p> <p>Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; Khối cơ quan MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội; UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHXH, BHYT giai đoạn 2011-2020. - Triển khai các giải pháp để tăng cường khả năng tiếp cận chính sách an sinh xã hội của người nghèo, người dễ bị tổn thương. - Xây Đề án chuẩn mức sống tối thiểu, mức sống trung bình phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội làm căn cứ xác định đối tượng và chuẩn trợ giúp xã hội. Tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2020; Đề án đổi mới và phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. - Thực hiện Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 25/9/2012 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) “Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020”. Phần đầu đạt chỉ tiêu: “Đảm bảo mức trợ cấp thường xuyên cho các đối tượng bảo trợ xã hội cao hơn 1,5 lần so với mức bình quân của cả nước”. - Xây dựng dự án nâng mức chuẩn cho các đối tượng Bảo trợ xã hội phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh. - Triển khai tốt các chính sách hỗ trợ cho người nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, các đối tượng chính sách xã hội và các đối tượng dễ bị tổn thương khác, phần đầu 90% đối tượng được tiếp cận các dịch vụ cơ bản.
<p>Mục tiêu 1.3a. Rà soát, kiến nghị hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện hành nhằm đảm bảo quyền bình đẳng của mọi người dân nhất là đối tượng nữ, người nghèo, người dễ bị tổn thương, đối với các nguồn lực kinh tế, tiếp cận các dịch vụ cơ bản, quyền sử dụng đất đai và tài nguyên thiên nhiên, quyền sở hữu và kiểm soát các dạng tài sản khác theo quy định của Hiến pháp</p>	<p>Chủ trì: Sở Tư pháp</p> <p>Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; Khối cơ quan MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội; UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh</p>	<p>Tham mưu UBND tỉnh rà soát, kiến nghị hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện hành nhằm đảm bảo quyền bình đẳng của mọi người dân, nhất là đối tượng nữ, người nghèo, người dễ bị tổn thương, đối với các nguồn lực kinh tế, tiếp cận các dịch vụ cơ bản, quyền sử dụng đất đai và tài nguyên thiên nhiên, quyền sở hữu và kiểm soát các dạng tài sản khác theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.</p>
<p>Mục tiêu 1.3b. Tuyên truyền về quyền bình đẳng của người dân trong tiếp cận đối với nguồn lực kinh tế và các dịch vụ cơ bản, quyền sở hữu và kiểm soát các dạng tài sản khác theo quy định của Hiến pháp.</p>	<p>Chủ trì: Cơ quan Khối Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p> <p>Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; Khối Cơ quan MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội; UBND các huyện, thị xã, thành phố</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường sự giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp; cộng đồng về thực thi pháp luật, xử lý các vi phạm có liên quan. - Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành, đồng thời huy động tham gia của MTTQ và các đoàn thể chính trị xã hội.

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
<p>Mục tiêu 1.4: Đến năm 2030, tăng cường khả năng chống chịu và phục hồi cho người nghèo và những người trong hoàn cảnh dễ bị tổn thương, đồng thời giảm rủi ro và tổn thương của họ do các hiện tượng thời tiết và khí hậu cực đoan, các cú sốc và thảm họa về môi trường, kinh tế, xã hội</p>	<p>- Chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khôi Mật trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<p>Triển khai thực hiện: (1). Quyết định số 1568/2017/QĐ-UBND ngày 18/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh về ban hành Quy định mức hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh theo Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ; (2). Thực hiện hỗ trợ Dự án (phương án) Hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh; (3). Triển khai thực hiện Dự án Rà soát, điều chỉnh bổ sung Quy hoạch bố trí, sắp xếp ổn định dân cư các vùng theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn Quảng Ninh.</p>
<p>Mục tiêu 2: Bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững</p>		
<p>Mục tiêu 2.1. Đến năm 2030, đảm bảo tất cả mọi người, đặc biệt là người nghèo và những người dễ bị tổn thương, bao gồm cả người cao tuổi và trẻ sơ sinh, được tiếp cận với thực phẩm an toàn, đủ dinh dưỡng và đầy đủ quanh năm.</p>		
<p><i>a) Đến năm 2030</i>, công tác an toàn thực phẩm được quản lý chủ động, có hiệu quả dựa trên các bằng chứng và thực hiện kiểm soát theo chuỗi cung cấp thực phẩm; 100% người quản lý, người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, người tiêu dùng có kiến thức và thực hành đúng về ATTP; trên 90% cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm đạt điều kiện an toàn thực phẩm; 100% các xã, phường, thị trấn thực hiện kiểm nghiệm nhanh thực phẩm</p>	<p>Chủ trì: Sở Y tế Phối hợp: Các sở, ngành liên quan, UBND các địa phương; Cơ quan Khôi Mật trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<p>Triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 5047/KH-UBND ngày 12/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh "Thực hiện Chiến lược Quốc gia An toàn thực phẩm giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn 2030"</p>
<p><i>b. Đến năm 2020:</i> 100% cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm quy mô công nghiệp tập trung, được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP; trên 80% cơ sở sản xuất, bảo quản, sơ chế, chế biến thực phẩm quy mô tập trung áp dụng hệ thống đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm như GMP, HACCP, ISO 9001, ISO 22000, SSOP; 70% cơ sở chế biến nông sản, 100% cơ sở chế biến thủy sản thực phẩm quy mô công nghiệp áp dụng quản lý chất lượng theo HACCP, GMP, GHP (thực hành vệ sinh tốt); 100% tàu cá từ 90CV trở lên được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP.</p>	<p>- Chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khôi Mật trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<p>- Duy trì ổn định diện tích trồng lúa, trong đó diện tích lúa chất lượng cao đạt trên 65%; Năng suất lúa trung bình cả năm đạt từ 55 tạ/ha trở lên, sản lượng thóc đạt trên 231 nghìn tấn. Phát triển hệ sinh thái vườn, cao, chuồng, bảo đảm sản xuất, lưu thông, phân phối và sử dụng thực phẩm an toàn. - Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư sản xuất và cung ứng các sản phẩm dinh dưỡng đặc thù hỗ trợ cho vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt phụ nữ có thai, trẻ em dưới 5 tuổi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và người cao tuổi. - Triển khai thực hiện Quyết định số 3151/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án nâng cao năng lực quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.</p>

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
<p>Mục tiêu 2.2. Đến năm 2030 giảm tất cả các hình thức suy dinh dưỡng, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho các đối tượng là trẻ em, trẻ em gái vị thành niên, phụ nữ mang thai và đang cho con bú, người cao tuổi</p>		
<p>Tăng cường thực hiện các giải pháp nhằm cải thiện dinh dưỡng. Triển khai có hiệu quả các chính sách về dinh dưỡng, chú ý vấn đề dinh dưỡng đối với trẻ em, trẻ em gái vị thành niên, phụ nữ mang thai và đang cho con bú, người cao tuổi; chú trọng giải quyết vấn đề suy dinh dưỡng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phân đấu đến năm 2025, tỉ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi giảm còn 20% và đến năm 2030 giảm dưới 15%.</p>	<p>Chủ trì: Sở Y tế Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khối Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<p>Tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn 2030 (QĐ số: 226/QĐ-TTg ngày 22/2/2012 của Thủ tướng Chính phủ); Xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021- 2030 và triển khai thực hiện.</p>
<p>Mục tiêu 2.3: Đến năm 2030, tăng gấp 1,5 lần năng suất lao động trong nông nghiệp và thu nhập của lao động nông nghiệp.</p>	<p>- Chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khối Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<p>Triển khai thực hiện: (1). Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 25/5/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc Phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến 2030”; (2). Quyết định số 4206/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành Nông, Lâm nghiệp và Thủy lợi tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; (3). Quyết định số 4209/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành thủy sản tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; (4). Quyết định số 4839/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc Phê duyệt Dự án Quy hoạch chi tiết Thủy lợi tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; (5). Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của HĐND tỉnh Quảng Ninh về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp tập trung trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020; (6). Quyết định số 2366/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Chương trình Mỗi xã, phường một sản phẩm tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2017 - 2020; (7). Kế hoạch 8051/KH-UBND ngày 30/12/2015 của UBND tỉnh về Đẩy mạnh ứng dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trên cây trồng vùng sản xuất tập trung giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; (8). Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ tác động do thiên tai, dịch bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu; đầu tư sử dụng các công nghệ</p>
<p>Mục tiêu 2.4: Đến năm 2030, bảo đảm sản xuất lương thực, thực phẩm bền vững và áp dụng những phương thức sản xuất nông nghiệp có khả năng chống chịu giúp tăng năng suất và sản lượng, duy trì hệ sinh thái, tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và các thảm họa khác và dần dần cải tạo chất lượng đất đai.</p>		

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
		vào cảnh báo thiên tai, dịch bệnh; Ứng dụng khoa học công nghệ và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sạch, bảo vệ môi trường sinh thái, tăng khả năng chống chịu; Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về sản xuất nông nghiệp bền vững; Thực hiện thu gom, xử lý bao gói thuốc BVTV và hóa chất bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh đạt từ 90% trở lên.
<p>Mục tiêu 2.5: Đến năm 2020, duy trì đa dạng di truyền của các giống cây trồng, vật nuôi, thúc đẩy tiếp cận và chia sẻ công bằng, hợp lý những lợi ích việc sử dụng các nguồn gen và tri thức bản địa liên quan, theo cam kết quốc tế.</p>	<p>- Chủ trì: Sở Nông nghiệp và PTNT; - Phối hợp: Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan khối MTTQ và các đoàn thể tỉnh.</p>	<p>Triển khai thực hiện: (1). Quyết định số 3501/QĐ-UBND ngày 07/11/2011 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc Phê duyệt Đề án Phát triển giống thủy sản tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020; (2). Quyết định số 2842/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc Phê duyệt Đề án Phát triển giống cây lâm nghiệp tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020; (3). Tham mưu xây dựng Đề án Phát triển giống cây trồng, vật nuôi tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.</p>
<p>Mục tiêu 3. Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người và mọi lứa tuổi</p>		
<p>Mục tiêu 3.1. Đến năm 2030, giảm tỷ số tử vong mẹ xuống dưới 45/100.000 trẻ đẻ sống; giảm tỷ suất tử vong trẻ dưới 1 tuổi xuống dưới 10/1000 trẻ đẻ sống và tỷ suất tử vong trẻ dưới 5 tuổi xuống dưới 15/1000 trẻ đẻ sống</p>		
<p>Tỉnh Quảng Ninh: Đến năm 2020: Giảm tỷ số tử vong mẹ xuống <20/100.000 trẻ đẻ sống; Giảm tỷ suất tử vong trẻ dưới 1 tuổi xuống <10/1000 trẻ đẻ sống, giảm tỷ suất tử vong trẻ dưới 5 tuổi xuống <16/1000 trẻ đẻ sống Đến năm 2030: Giảm tỷ số tử vong mẹ <18/100.000 trẻ đẻ sống; Giảm tỷ suất tử vong trẻ dưới 1 tuổi xuống <8/1000 trẻ đẻ sống, giảm tỷ suất tử vong trẻ dưới 5 tuổi xuống < 13/1000 trẻ đẻ sống</p>	<p>Chủ trì: Sở Y tế Phối hợp: Các Sở, ngành liên quan, UBND các địa phương; Cơ quan khối MTTQ và các đoàn thể tỉnh.</p>	<p>Tiếp tục thực hiện hiệu quả Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 31/8/2012 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược dân số - sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 tỉnh Quảng Ninh. Nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến xã, nhân viên y tế thôn bản về dự phòng nhằm thay đổi hành vi của người dân, đặc biệt là người dân vùng dân tộc thiểu số về lợi ích của việc khám thai định kỳ và sinh đẻ tại các cơ sở y tế. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, bổ sung nhân lực cho các bệnh viện tuyến huyện thuộc vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số sinh sống. Tăng cường công tác tiêm chủng mở rộng</p>
<p>Mục tiêu 3.2. Đến năm 2030, chấm dứt các bệnh dịch AIDS, lao, sốt rét và các bệnh nhiệt đới bị lãng quên; phòng chống bệnh viêm gan, các dịch bệnh do nguồn nước và các bệnh truyền nhiễm khác</p>		
<p>Huy động mọi nguồn lực, sự tham gia của cộng đồng, người dân, các tổ chức xã hội trong quá trình tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức phòng chống HIV/AIDS, lao, sốt rét, viêm gan và các bệnh nhiệt đới bị lãng quên, các dịch bệnh do nguồn nước và các bệnh truyền nhiễm khác.</p>	<p>Chủ trì: Sở Y tế Phối hợp: Các Sở, ngành liên quan, UBND các địa phương; Cơ quan khối MTTQ và các đoàn thể tỉnh;</p>	<p>Tiếp tục thực hiện: Thông tư 16/2013-TTLT BYT-BNN&PTNT ngày 27/5/2013 "Hướng dẫn phối hợp phòng chống bệnh lây truyền từ động vật sang người"; Thông tư số 12/2014/TT-BYT ngày 20/3/2014 "Hướng dẫn việc quản lý sử dụng vắc xin trong tiêm chủng"; Nghị định 104/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ "Quy định về hoạt động tiêm chủng"; Quyết định số 926/QĐ-</p>

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
<p>Tổ chức triển khai các biện pháp chuyên môn kỹ thuật y tế; Củng cố, phát triển mạng lưới y tế dự phòng. Phân đầu đến năm 2025, tỉ lệ tiêm chủng mở rộng đạt tối thiểu 95% với 12 loại vắc xin; đến năm 2030 tỉ lệ tiêm chủng mở rộng đạt 95% với 14 loại vắc xin.</p>		<p>UBND ngày 08/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch "bảo đảm tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS" tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2015 - 2020 (Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 của UBND tỉnh).</p>
<p>Mục tiêu 3.3. Đến năm 2030, giảm 20-25% tỷ lệ tử vong trước 70 tuổi do các bệnh không lây nhiễm thông qua dự phòng và điều trị, nâng cao sức khỏe tinh thần và thể chất</p>		
<p>a. Tăng cường thực thi các chính sách, quy định pháp luật về kiểm soát yếu tố nguy cơ và thúc đẩy các yếu tố tăng cường sức khỏe để phòng, chống bệnh không lây nhiễm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp tuyên truyền phổ biến; phát hiện sớm, chẩn đoán, điều trị, quản lý các bệnh không lây nhiễm từ tuyến tỉnh, đến tuyến huyện, xã. Nâng cao nhận thức của người dân về lối sống an toàn, khỏe mạnh để nâng cao sức khỏe, giảm thiểu các bệnh không lây nhiễm. - Nâng cao hiệu quả hoạt động của lĩnh vực y tế dự phòng trong kiểm soát yếu tố nguy cơ và các tình trạng tiền bệnh để dự phòng các bệnh không lây nhiễm. - Phân đầu đến năm 2025: 95% trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm; đến năm 2030: 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm. 	<p>Chủ trì: Sở Y tế Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khối Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục thực hiện: Quyết định số 4299/QĐ-BYT ngày 09/8/2016 của Bộ Y tế phê duyệt dự án chủ động dự phòng phát hiện sớm, chẩn đoán, điều trị, quản lý bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản và các bệnh không lây nhiễm khác giai đoạn 2016 – 2025; Kế hoạch 4020/KH-UBND ngày 06/6/2017 của UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 – 2025. - Trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương, xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình phòng chống các bệnh không lây nhiễm, giai đoạn 2015-2025 của tỉnh; - Thành lập Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) theo Thông tư số 26/2017/TT-BYT ngày 26/6/2017 của Bộ Y tế Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
<p>b. Tăng cường các hoạt động thể dục thể thao thường xuyên của người dân để phòng chống các bệnh lây nhiễm.</p> <p>Đến năm 2020, có 40% dân số hoạt động thể dục thể thao thường xuyên. Đến năm 2030 có trên 50% dân số hoạt động thể dục thể thao thường xuyên.</p>	<p>Chủ trì: Sở Văn hóa và Thể thao Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khối Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<p>Thực hiện các nội dung Chiến lược phát triển thể dục thể thao</p>
<p>Mục tiêu 3.4. Tăng cường dự phòng và điều trị lạm dụng các chất gây nghiện, bao gồm lạm dụng ma túy và sử dụng các đồ uống có cồn ở mức gây hại</p>		
<p>Tăng cường công tác giáo dục, thông tin tuyên truyền về công tác phòng chống việc lạm dụng các</p>	<p>Chủ trì: Sở Y tế Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã,</p>	<p>Trong khi chờ hướng dẫn của Trung ương (xây dựng và thực hiện Chương trình phòng chống và điều trị việc lạm dụng các chất gây nghiện</p>

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
chất gây nghiện và sử dụng các đồ uống có cồn gây hại.	thành phố; Cơ quan Khôi Mật trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.	(kể cả ma túy) và sử dụng đồ uống có cồn gây hại giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn 2030), các sở, ban, ngành, UBND các địa phương, các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội, triển khai lồng ghép trong việc xây dựng kế hoạch hàng năm của đơn vị, địa phương để triển khai thực hiện.
Mục tiêu 3.5. Đến năm 2030, hàng năm tiếp tục kiểm chế và giảm tai nạn giao thông trên cả trên cả ba tiêu chí, số vụ, số người chết và số người bị thương		
Mục tiêu 3.5.a. Huy động mọi nguồn lực để phát triển hạ tầng giao thông, sử dụng công nghệ tiên tiến trong kiểm soát, quản lý hệ thống giao thông đường bộ	Chủ trì: Sở Giao thông vận tải Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khôi Mật trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.	Huy động mọi nguồn lực để phát triển hạ tầng giao thông theo Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 (Quyết định 4818/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND tỉnh)
Mục tiêu 3.5.b. Tăng cường thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn giao thông	Chủ trì: Ban An toàn giao thông tỉnh Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khôi Mật trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường tuyên truyền, giáo dục về an toàn giao thông đi đôi với xử lý vi phạm pháp luật về an toàn giao thông, xây dựng ý thức tự giác chấp hành luật của người tham gia giao thông. - Nâng cao năng lực, hiệu quả và trách nhiệm của lực lượng thực thi pháp luật bảo đảm trật tự an toàn giao thông.
Mục tiêu 3.6. Đến năm 2030, đảm bảo tiếp cận toàn dân tới các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và tình dục, bao gồm kế hoạch hóa gia đình, truyền thông và giáo dục; lồng ghép sức khỏe sinh sản vào các chiến lược, chương trình có liên quan		
Đảm bảo tiếp cận toàn dân tới các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và tình dục, bao gồm kế hoạch hóa gia đình, truyền thông và giáo dục; lồng ghép sức khỏe sinh sản vào các chiến lược, chương trình có liên quan	Chủ trì: Sở Y tế Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khôi Mật trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; - Thực hiện Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 31/8/2012 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược dân số - sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020; Kế hoạch số 5535/KH-UBND ngày 07/9/2016 của UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016 – 2020; Kế hoạch 4020/KH-UBND ngày 06/6/2017 của UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 – 2025. - Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 về việc quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số; nghiên cứu mở rộng đối tượng thụ hưởng các chế độ thai sản đối với phụ nữ nông thôn khi sinh con đúng chính sách dân số.

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
<p>Mục tiêu 3.7. Đạt được bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân, bao gồm bảo vệ rủi ro tài chính, tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, thuốc và vắc xin thiết yếu, an toàn, hiệu quả, chất lượng trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người.</p>		
<p>Triển khai nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; tăng khả năng tiếp cận của người dân tới các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, thuốc và vắc xin thiết yếu, an toàn, hiệu quả, chất lượng, trong khả năng chi trả. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về lợi ích của BHYT và huy động sự tham gia của người dân trong việc mua BHYT. Giai đoạn 2021-2020 phấn đấu duy trì tỉ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số</p>	<p>Chủ trì: Sở Y tế Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khóic Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện Quyết định số 3626/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch thực hiện lộ trình tiến tới BHYT toàn dân của tỉnh giai đoạn 2012 - 2015 và 2020. Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 06/7/2016 của UBND tỉnh về lộ trình thực hiện bảo hiểm y tế đến năm 2020. - Xây dựng dựng chương trình bảo đảm và cải thiện chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh, quản lý kiểm định, kiểm soát chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh. Tạo điều kiện cho người dân tiếp cận các loại thuốc thiết yếu trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người. - Quản lý chặt chẽ việc kê đơn, bán thuốc an toàn, hợp lý. Quy hoạch lại mạng lưới bán buôn, bán lẻ thuốc trên địa bàn.
<p>Mục tiêu 3.8 Đến năm 2030, giảm đáng kể số ca mắc bệnh và tử vong do các hóa chất độc hại và ô nhiễm môi trường không khí, nước và đất</p>		
<p>Mục tiêu 3.8a. Phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm</p>	<p>Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khóic Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai các nhiệm vụ trọng tâm về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm của Nghị quyết số 236/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 của HĐND tỉnh về những chủ trương, giải pháp tăng cường công tác quản lý bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ninh đến giai đoạn 2016 – 2020; Tổ chức thực hiện nghiêm Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. - Thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/3/2018 của Tỉnh ủy về bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2018-2022. Thực hiện có hiệu quả chủ đề năm về bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường tự nhiên năm 2018 và các năm tiếp theo. - Tăng cường thực thi pháp luật, kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các vi phạm về xả thải gây ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước.
<p>Nhiệm vụ 3.8.b: Tăng cường vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội, cộng đồng trong thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường.</p>	<p>Chủ trì: Cơ quan khối MTTQ và các đoàn thể tỉnh. Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>	
<p>Mục tiêu 3.8.c. Đến năm 2030, giảm đáng kể số ca mắc bệnh và tử vong do các các hóa chất độc hại và ô nhiễm môi trường không khí, nước và đất</p>		

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
Tăng cường công tác truyền thông, tập huấn về nguy cơ và hướng dẫn tư vấn phòng tránh nhiễm các loại hóa chất độc hại, ô nhiễm không khí, nước và đất.	Chủ trì: Sở Y tế. Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khôi Mật trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.	Trong khi chờ hướng dẫn của Trung ương (xây dựng và thực hiện đề án giảm tác động của ô nhiễm hóa chất độc hại, ô nhiễm không khí, nước và đất tới sức khỏe con người giai đoạn 2021-2030), các Sở, ban, ngành, UBND các địa phương, các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội, triển khai lồng ghép trong việc xây dựng kế hoạch hàng năm của đơn vị, địa phương để triển khai thực hiện. Xây dựng, trình UBND tỉnh kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh.
Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải y tế tập trung theo Quyết định số 170/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đến năm 2025	Chủ trì: Sở Y tế. Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khôi Mật trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.	Đầu tư các cụm xử lý rác thải y tế theo Quyết định 4012/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh về Quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030.
Mục tiêu 3.9. Tăng cường thực hiện Công ước khung của Tổ chức Y tế Thế giới về kiểm soát thuốc lá		
Tăng cường thực hiện các biện pháp về thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tác hại của thuốc lá	Chủ trì: Sở Y tế Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khôi Mật trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.	Hàng năm, Ban Chỉ đạo Phòng chống tác hại thuốc lá tỉnh Quảng Ninh xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện.
Mục tiêu 4: Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người		
Mục tiêu 4.1: Đến năm 2030, đảm bảo tất cả các trẻ em gái và trai hoàn thành giáo dục tiểu học, giáo dục THCS miễn phí, công bằng, có chất lượng.	Chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khôi Mật trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chiến lược Phát triển giáo dục 2011-2020. Thay đổi chính sách về học phí cấp Trung học cơ sở và trung học phổ thông tiến đến miễn phí hoàn toàn cho các cấp học này để đạt mục tiêu đề ra. - Nâng cao chất lượng giáo dục cấp tiểu học và trung học cơ sở, giảm sự chênh lệch và bất bình đẳng về chất lượng giáo dục giữa các vùng miền. - Hỗ trợ người dân đưa trẻ trong độ tuổi đến trường, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số, ít người. - Đảm bảo ngân sách nhà nước đầu tư cho giáo dục được tập trung, ưu tiên cho giáo dục phổ cập, giáo dục ở những vùng đặc biệt khó khăn, dân tộc thiểu số và các đối tượng chính sách xã hội.
Mục tiêu 4.2: Đến năm 2030, tất cả trẻ em trong độ tuổi mầm non được chăm sóc, giáo dục có chất lượng để phát triển toàn diện, chuẩn bị sẵn sàng vào tiểu học.”	Chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khôi Mật trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường xã hội hóa trong giáo dục mầm non, phát huy vai trò của khu vực tư nhân trong cung ứng dịch vụ giáo dục mầm non. - Có chính sách hỗ trợ phù hợp để đảm bảo các trẻ em nghèo, nhóm trẻ có hoàn cảnh đặc biệt có điều kiện tiếp cận dịch vụ chăm sóc

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
		giai đoạn trẻ thơ và giáo dục mầm non.
<p>Mục tiêu 4.3 Đến năm 2030, đảm bảo tiếp cận công bằng cho tất cả công dân đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học có chất lượng và trong khả chi trả</p>	<p>Chỉ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khôi Mật trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện hiệu quả Luật giáo dục nghề nghiệp và Chiến lược phát triển dạy nghề thời kỳ 2011 - 2020, bảo đảm tất cả nam và nữ thanh niên và người trưởng thành có nhu cầu đều có thể tiếp cận dịch vụ giáo dục nghề nghiệp phù hợp. - Nâng cao chất lượng của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thông qua đổi mới cơ chế hoạt động của các cơ sở này theo hướng gắn với thị trường lao động. - Thực hiện chính sách hỗ trợ các đối tượng chính sách, người nghèo, người trong hoàn cảnh dễ bị tổn thương, người khuyết tật có điều kiện tiếp cận dịch vụ giáo dục nghề nghiệp theo nhu cầu. Thực hiện trách nhiệm xã hội và đóng góp của doanh nghiệp đối với hoạt động giáo dục nghề nghiệp thông qua các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp, của cộng đồng xã hội.
<p>Mục tiêu 4.4: Đến năm 2030, tỷ lệ lao động có kỹ năng phù hợp với thị trường lao động để có việc làm tốt và làm chủ doanh nghiệp là trên 90%</p>	<p>Chỉ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khôi Mật trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát quy hoạch, sắp xếp lại mạng lưới giáo dục nghề nghiệp; nâng cao chất lượng đào tạo một số nghề đạt trình độ các nước phát triển trong khu vực ASEAN và thế giới, hình thành đội ngũ lao động lành nghề. - Xây dựng và tổ chức thực hiện đề án đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp. - Đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn đào tạo nghề với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và đáp ứng nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020. - Sử dụng rộng rãi, hiệu quả các cơ chế và công cụ của kinh tế thị trường để mở rộng quy mô, điều chỉnh cơ cấu, ngành nghề đào tạo, nâng cao chất lượng nhân lực và huy động các nguồn vốn cho phát triển đào tạo nhân lực. - Huy động khu vực doanh nghiệp tham gia vào quá trình xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo nghề nghiệp, đánh giá, cấp chứng chỉ nhằm nâng cao thực tiễn và thực hiện đào tạo nghề theo nhu cầu xã hội, nhu cầu thị trường lao động của doanh nghiệp.
<p>Mục tiêu 4.5: Đến năm 2030, đảm bảo tiếp cận bình đẳng trong giáo dục nghề nghiệp cho các đối tượng chính sách xã hội</p>	<p>Chỉ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Phối hợp: các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan khối MTTQ và các đoàn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các chính sách phù hợp bảo đảm hỗ trợ những người dễ bị tổn thương có điều kiện tiếp cận dịch vụ đào tạo nghề. - Mở rộng giáo dục nghề cho các đối tượng chính sách, người nghèo, cận nghèo và quan tâm giáo dục nghề phù hợp cho những người khuyết tật.

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
	thể tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp trong việc đào tạo nghề cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.
<p>Mục tiêu 4.6: “Đến năm 2030, tất cả thanh thiếu niên và hầu hết người trưởng thành, không phân biệt giới tính, đều biết đọc, biết viết”</p>	<p>Chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo Phối hợp: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Nội vụ ; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khối MTTQ và các đoàn thể tỉnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng. - Hoàn thiện các chính sách hỗ trợ cho người học thuộc các đối tượng chính sách, người dân tộc, đặc biệt các vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.
<p>Mục tiêu 4.7: Đến năm 2030 “Tất cả người học đều được trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thúc đẩy phát triển bền vững”.</p>	<p>Chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khối Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<p>Duy trì lồng ghép các nội dung về phát triển bền vững, quyền con người, bình đẳng giới, ngăn chặn, chống bạo lực, công dân toàn cầu và tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong nội dung chương trình dạy học ở tất cả các cấp học</p> <p>Đổi mới chương trình và cách thức lồng ghép các nội dung trong chương trình giáo dục.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường nội dung có tính thực tiễn, tình huống và sử dụng phương pháp giảng dạy hiện đại, có sự tham gia của người học. - Hợp tác quốc tế về giáo dục đào tạo.
<p>Mục tiêu 4.8. Xây dựng và nâng cấp các cơ sở giáo dục thân thiện với trẻ em, người khuyết tật và bình đẳng giới và cung cấp môi trường học tập an toàn, không bạo lực, toàn diện và hiệu quả cho tất cả mọi người</p>	<p>Chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo. Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khối Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - rà soát, hoàn thiện và xây dựng hệ thống các tiêu chí, tiêu chuẩn về cơ sở hạ tầng giáo dục thân thiện với trẻ em, người khuyết tật và bình đẳng giới tương ứng với các tiêu chí của Liên hợp quốc. - Bảo đảm các cơ sở giáo dục xây mới đáp ứng các tiêu chí thân thiện với trẻ em, bao gồm cả trẻ khuyết tật. Sửa chữa, nâng cấp các cơ sở giáo dục đang hoạt động để đáp ứng tiêu chí đề ra. - Huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho việc xây dựng và nâng cấp các cơ sở giáo dục.
<p>Mục tiêu 5: Đạt được bình đẳng giới, tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái</p>		
<p>Mục tiêu 5.1: Giảm thiểu, tiến tới chấm dứt các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ và trẻ em gái trong mọi lĩnh vực và ở mọi nơi</p>	<p>Chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khối Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Quảng Ninh và các giai đoạn tiếp theo. - Tổ chức triển khai đạt hiệu quả dự án hỗ trợ thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới thuộc Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Quảng Ninh. - Xây dựng chương trình, kế hoạch truyền thông về vai trò của phụ nữ, bình đẳng giới giai đoạn 2017 - 2030. Đưa nội dung phòng chống bạo lực gia đình, bình đẳng giới vào chương trình học của tất cả các bậc học. - Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
		<p>định pháp luật và các chính sách có phân biệt đối xử với phụ nữ và trẻ em gái. Xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái ở tất cả các cấp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban hành chính sách nhằm nâng cao năng lực cho nữ lao động, nữ cán bộ, nữ công chức, nữ viên chức. - Tăng cường giám sát thực hiện Luật Bình đẳng giới và kế hoạch bình đẳng giới, nhất là việc lồng ghép bình đẳng giới trong các văn bản quy phạm pháp luật. Đánh giá việc thực hiện Luật Bình đẳng giới và đề xuất sửa đổi bổ sung phù hợp với tình hình mới. - Rà soát các cam kết quốc tế về phụ nữ, bao gồm cả Công ước của Liên Hợp Quốc về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (CEDAW), thúc đẩy việc thực hiện các nội dung được Ủy ban CEDAW khuyến nghị theo hướng dẫn của Bộ Lao động TB&XH.
<p>Mục tiêu 5.2: Giảm đáng kể mọi hình thức bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái nơi công cộng hoặc nơi riêng tư, bao gồm cả việc mua bán, bóc lột tình dục và các hình thức bóc lột khác</p>	<p>Chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khối Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện pháp luật phòng, chống mua bán người; phòng, chống bạo lực gia đình; phòng, chống bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em theo hướng xử phạt nghiêm minh và mang tính răn đe, có hình phạt kịp thời, nặng đối với các hành vi vi phạm. - Cùng cố hoạt động của Hệ thống Bảo vệ trẻ em dựa vào cộng đồng. - Vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu theo hướng dẫn của Trung ương để giám sát việc thực thi pháp luật đối với vấn đề bạo lực phụ nữ và trẻ em gái, bao gồm cả việc mua bán, bóc lột, lạm dụng tình dục và các hình thức bóc lột khác. - Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức về pháp luật nhằm ngăn chặn và hạn chế bạo lực xảy ra đối với phụ nữ và trẻ em, bao gồm cả việc mua bán, bóc lột, lạm dụng tình dục và các hình thức bóc lột khác. Xây dựng chiến lược truyền thông về phòng, chống bạo lực; phòng, chống mua bán người tại cộng đồng đến năm 2030. - Đưa kiến thức về bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái, bao gồm cả việc mua bán, bóc lột, lạm dụng tình dục và các hình thức bóc lột khác vào chương trình giáo dục tại các cấp học. - Tăng cường nhiệm vụ, trách nhiệm của chính quyền địa phương, cơ quan công an xử lý các vụ việc bạo lực gia đình. - Tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ phụ nữ và trẻ em gái giải quyết khó khăn của bản thân, gia đình và những vấn đề liên quan khác vốn là những khía cạnh tiềm ẩn khả năng bị bạo lực, bao gồm cả việc mua bán, bóc lột, lạm dụng tình dục và các hình thức bóc lột khác.

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
		<ul style="list-style-type: none"> - Vận hành các mô hình “thành phố không bạo lực với phụ nữ và trẻ em gái” (dành cho khu vực đô thị); “làng quê không bạo lực với phụ nữ và trẻ em gái” (dành cho khu vực nông thôn) và “gia đình không bạo lực với phụ nữ và trẻ em gái” (dành cho mọi khu vực). - Vận động xã hội thực hiện phong trào “phòng, chống tội ác xâm hại tình dục phụ nữ và trẻ em gái”.
<p>Mục tiêu 5.3: Hạn chế tiến tới xóa bỏ các hủ tục như tảo hôn, kết hôn sớm, và hôn nhân ép buộc</p>	<p>Chủ trì: Sở Văn hóa và Thể thao Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khối Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chương trình giáo dục tuyên truyền về xóa bỏ các hủ tục như tảo hôn, kết hôn sớm, và kết hôn cưỡng ép, ly hôn cưỡng ép cho thời kỳ 2018- 2025. - Xây dựng và vận hành mô hình “ người mẹ mẫu mực” dành cho trẻ em gái để xóa bỏ tảo hôn, kết hôn sớm khi chưa đủ khả năng làm mẹ an toàn và bảo đảm tương lai cho con; mô hình “gia đình tôi yêu” dành cho nam, nữ đã thành niên để xóa bỏ hôn nhân ép buộc có nhiều nguy cơ bạo lực.
<p>Mục tiêu 5.4: Bảo đảm bình đẳng trong việc nội trợ và chăm sóc gia đình; công nhận việc nội trợ và các chăm sóc không được trả phí; tăng cường các dịch vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và các chính sách bảo trợ xã hội, các dịch vụ hỗ trợ gia đình, chăm sóc trẻ em</p>	<p>Chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khối Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức của xã hội về vai trò và tầm quan trọng của công việc chăm sóc không được trả phí và công việc nhà; nâng cao nhận thức về bình đẳng chia sẻ trách nhiệm trong từng hộ gia đình. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục về quyền bình đẳng trong công việc chăm sóc không được trả phí và công việc nhà giữa các thành viên trong gia đình. - Từ năm 2020, xem xét luật hóa công việc chăm sóc không được trả phí và công việc nhà, coi đó như một hoạt động tạo giá trị gia tăng của xã hội. - Xây dựng và nhân rộng mô hình cụ thể hóa nguyên tắc “Các thành viên nam, nữ trong gia đình có trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình” đã được quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Bình đẳng giới để tăng cơ hội gắn bó, hỗ trợ nhau, bảo đảm sức khỏe và thời gian cho các thành viên trong gia đình để cùng tồn tại và phát triển hài hòa. - Xây dựng và vận hành mô hình “Bàn tay yêu thương của cha” (tăng cường sự tham gia của nam giới trong chia sẻ việc nhà, thúc đẩy, động viên nam giới tham gia các lớp học tiền sản, chăm sóc, nuôi dưỡng con...).
<p>Mục tiêu 5.5: Đảm bảo sự tham gia đầy đủ, hiệu quả và cơ hội bình đẳng tham gia lãnh đạo của phụ nữ ở tất cả các cấp hoạch định chính sách trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội</p>	<p>- Chủ trì: Sở Nội vụ. - Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khối Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện cơ chế hiện hành trong quy hoạch, tuyển chọn, đề bạt cán bộ lãnh đạo các cấp theo hướng đảm bảo bình đẳng giới; - Đưa tiêu chí về công tác cán bộ nữ trong đánh giá, kiểm điểm hàng năm của các cơ quan; - Đề xuất sửa đổi các quy định về quy hoạch, bổ nhiệm, đào tạo đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới; Ưu tiên độ tuổi của nữ trong quy hoạch, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, luân

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
		<p>chuyển, nghỉ hưu...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiến cử phụ nữ tham gia các vị trí quản lý, lãnh đạo trong các cơ chế/tổ chức khu vực và trên cả nước. - Thúc đẩy các mô hình vườn ươm lãnh đạo nữ trẻ để tạo nguồn lãnh đạo nữ; - Phát triển, kết nối mạng lưới cán bộ nữ, giới thiệu cán bộ nữ tiềm năng, tổ chức các hoạt động hướng dẫn kèm cặp giữa cán bộ nữ có kinh nghiệm và cán bộ trẻ. - Truyền thông thay đổi nhận thức, thay đổi hành vi của các nhà lãnh đạo, các nhà hoạch định chính sách và của toàn xã hội về bình đẳng giới và vai trò của phụ nữ trong tham chính.
<p>Mục tiêu 5.6. Bảo đảm tiếp cận phổ cập đối với sức khỏe sinh sản và tình dục, quyền sinh sản như được thống nhất trong Chương trình hành động của Hội nghị Quốc tế về Dân số và Phát triển, cương lĩnh hành động Bắc Kinh và các văn kiện về kết quả của các hội nghị đánh giá việc thực hiện Chương trình và Cương lĩnh này</p>		
<p>Tiếp tục thực hiện hiệu quả các nội dung liên quan đến tiếp cận phổ cập với sức khỏe sinh sản và tình dục, quyền sinh sản trong Chương trình Hành động của Hội nghị quốc tế về Dân số và Phát triển, Cương lĩnh Hành động Bắc Kinh và các văn kiện liên quan.</p>	<p>Chủ trì: Sở Y tế Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khối Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<p>Tiếp tục thực hiện Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 31/8/2012 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược dân số - sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 tỉnh Quảng Ninh. Thực hiện Quyết định số 7539/QĐ-BYT ngày 28/12/2016 của Bộ Y tế Phê duyệt Chương trình hành động truyền thông chuyển đổi hành vi về Dân số và phát triển giai đoạn 2016-2020.</p>
<p>Mục tiêu 5.7a: Đảm bảo tất cả phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số có quyền bình đẳng với các nguồn lực kinh tế, được tiếp cận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu các tài sản khác, các dịch vụ tài chính, quyền thừa kế và tài nguyên thiên nhiên, phù hợp với quy định của pháp luật quốc gia</p>	<p>Chủ trì: Sở Tư pháp Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khối Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, kiến nghị điều chỉnh các văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách hiện hành theo hướng bảo đảm bình đẳng trong tiếp cận các nguồn lực kinh tế. - Tăng cường thực thi chính sách, theo dõi thực hiện chính sách trên thực tế. Đề cao vai trò của Mặt trận tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong quá trình giám sát thực thi pháp luật, chính sách - Phối hợp với các Sở, ngành xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái ở tất cả các cấp.
<p>Mục tiêu 5.7b. Xây dựng cơ chế chính sách tạo điều kiện cho phụ nữ trong việc tiếp cận thông tin vốn vay để phát triển kinh tế gia đình và hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm Xây dựng các chính sách hỗ trợ phụ nữ làm doanh nghiệp nhỏ và cực nhỏ, các loại hình kinh tế tập thể (hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ liên kết...) của phụ nữ</p>	<p>Chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khối Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<p>Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị “Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước” Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết 35/NQ-CP (ngày 16/5/2016) của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 và Kế hoạch số 7653/KH-UBND (ngày 24/11/2016) của UBND tỉnh Quảng Ninh vận động cá nhân kinh doanh trên địa bàn tỉnh thành lập doanh nghiệp.</p>
<p>Mục tiêu 5.7 c: Đảm bảo tất cả</p>	<p>Chủ trì: Sở Lao động - Thương</p>	<p>- Xây dựng các chương trình đào tạo phương</p>

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
<p>phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số có quyền bình đẳng với các nguồn lực kinh tế, được tiếp cận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu các tài sản khác, các dịch vụ tài chính, quyền thừa kế và tài nguyên thiên nhiên, phù hợp với pháp luật quốc gia</p>	<p>binh và Xã hội Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khối Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<p>thức làm kinh tế cho phụ nữ, chú trọng đào tạo ứng dụng công nghệ cung cấp thông tin (chính sách, pháp luật, công nghệ mới...).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo nghề trình độ cao, đặc biệt 8 lĩnh vực - ngành nghề có khả năng dịch chuyển lao động trong khu vực ASEAN. - Đào tạo về đổi mới, sáng tạo; kỹ năng khởi nghiệp, khởi sự và quản lý kinh doanh cho phụ nữ; tổ chức các diễn đàn, hội thảo về các cam kết quốc tế trong lĩnh vực kinh tế, đặc biệt các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) thế hệ mới.
<p>Mục tiêu 5.8. Nâng cao việc sử dụng các công nghệ tạo thuận lợi, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông để thúc đẩy việc trao quyền cho phụ nữ. Tạo điều kiện cho phụ nữ được tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông. Trong đó đảm bảo thực hiện đến năm 2020: Đảm bảo 100% lãnh đạo là phụ nữ trong các cơ quan nhà nước từ Tỉnh đến cấp xã sử dụng tin học văn phòng, các hệ thống thông tin, khai thác và sử dụng Internet trong quản lý, xử lý công việc; Tổ chức đào tạo Tin học văn phòng cho 20.440 người (Trong đó, người học là phụ nữ, lao động nông thôn khác là 2.000 người) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ; 100% cơ quan, đơn vị trong ngành Giáo dục thực hiện quản lý hành chính, xử lý văn bản và hồ sơ công việc trên môi trường mạng, văn bản trao đổi trên môi trường mạng được xác thực bằng chữ ký số; 100% cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên sử dụng phần mềm quản lý trường học trực tuyến;</p>	<p>Chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khối Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai thực hiện Quyết định số 4183/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND Tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; - Triển khai thực hiện Kế hoạch số 4879/KH-UBND ngày 17/8/2015 của UBND Tỉnh về việc thực hiện chương trình hành động số 33-CTr/TU ngày 27/01/2015 của Tỉnh ủy Quảng Ninh về việc thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; - Triển khai thực hiện Quyết định số 1139/2017/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 của UBND Tỉnh quy định hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ (Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì); - Triển khai thực hiện Kế hoạch số 3379/KH-UBND ngày 16/5/2017 của UBND Tỉnh thực hiện Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì); - Triển khai thực hiện Kế hoạch số 3817/KH-UBND ngày 29/5/2017 của UBND Tỉnh về việc Đề án triển khai mô hình thành phố thông minh tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2017-2020; - Triển khai thực hiện Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 21/8/2017 về việc thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0; - Tổ chức Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng tỉnh Quảng Ninh hàng năm (Liên

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
		hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật chủ trì); - Tổ chức Hội thi Tin học trẻ, Tin học khối CBCC trẻ tỉnh hàng năm (Tinh Đoàn chủ trì). - Thường xuyên hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan báo chí của tỉnh, Phòng VH-TT, Trung tâm TT-VH, Đài TT-TH các huyện, thị xã, thành phố tổ chức truyền thông, giới thiệu, hướng dẫn cho người dân, đặc biệt là phụ nữ trong việc sử dụng công nghệ, nhất là khai thác, ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ công việc và cuộc sống.
Mục tiêu 6: Đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người		
<p>Mục tiêu 6.1.a: Đảm bảo khả năng tiếp cận đầy đủ và công bằng với nước uống và sinh hoạt an toàn, trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người</p> <p>Áp dụng các quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật để xây dựng định mức chi phí quản lý, vận hành các công trình cấp nước là cơ sở xây dựng đơn giá cấp nước sạch đảm bảo phù hợp với điều kiện của tỉnh.</p>	<p>Chủ trì: Sở Xây dựng. Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khảo Sát trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật để xây dựng đơn giá sản xuất nước sạch và quản lý, vận hành mạng cấp nước theo Quyết định số 590/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng “V/v công bố định mức dự toán sản xuất nước sạch và quản lý, vận hành mạng cấp nước”. - Rà soát danh mục các nguồn cấp nước quan trọng trên địa bàn tỉnh (sông hồ chứa nước, mạch nước ngầm ...) để có kế hoạch bảo vệ và khai thác sử dụng hiệu quả. - Triển khai thực hiện Quyết định số 4988/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 của UBND tỉnh “V/v ban hành Kế hoạch cấp nước an toàn tỉnh Quảng Ninh”. - Tăng cường thực hiện các hình thức tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng về việc bảo vệ và sử dụng tiết kiệm, hợp lý nước sạch. - Kêu gọi, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp tham gia vào các hoạt động bảo vệ, quản lý các nguồn nước và phát triển hệ thống cấp nước, cung cấp các dịch vụ cấp nước.
<p>Mục tiêu 6.1b. Về cấp nước nông thôn, đảm bảo người dân được tiếp cận đầy đủ và công bằng với nước uống và và nước sinh hoạt an toàn.</p>	<p>Chủ trì: Sở Nông nghiệp và PTNT. Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khảo Sát trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý vận hành công trình cấp nước nông thôn; các quy định về các định mức kinh tế - kỹ thuật để xây dựng định mức chi phí quản lý, vận hành các công trình cấp nước nông thôn. - Xây dựng cơ chế ưu tiên hỗ trợ cho những vùng nghèo, người nghèo; các vùng đặc biệt khó khăn, thường xuyên hạn hán, vùng ven biển, hải đảo trong việc tiếp cận với các dịch vụ về nước sinh hoạt. - Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động bảo vệ, quản lý, phát triển nguồn cấp nước và cung ứng dịch vụ nước sạch nông thôn. Cải thiện chính sách và môi trường thuận lợi cho đầu tư vào sản xuất và cung cấp nước sạch nông thôn.

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
Mục tiêu 6.2: Đến năm 2030, đảm bảo tiếp cận công bằng các công trình và điều kiện vệ sinh phù hợp cho tất cả mọi người		
Nghiên cứu ban hành Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 02/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hệ thống dịch vụ xã hội đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.	Chủ trì: Sở Xây dựng. Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khôi Mật trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.	Thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 02/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hệ thống dịch vụ xã hội đảm bảo an sinh xã hội.
Khuyến khích xã hội hóa đầu tư vào các dịch vụ vệ sinh công cộng; hỗ trợ và tăng cường sự tham gia của các tổ chức xã hội, cộng đồng địa phương nhằm quản lý, cải thiện điều kiện vệ sinh công cộng.	Chủ trì: UBND các huyện, thị xã, thành phố. Phối hợp: Các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan.	Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp tham gia đầu tư, cung ứng các dịch vụ công ích trên địa bàn các địa phương. - Khuyến khích, tăng cường sự tham gia của các tổ chức, đoàn thể và cộng đồng dân cư vào công tác vệ sinh môi trường khu dân cư.
Mục tiêu 6.3.a: Đến năm 2030, cải thiện chất lượng nước, kiểm soát được các nguồn gây ô nhiễm		
Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 589/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh định hướng phát triển thoát nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050.	Chủ trì: Sở Xây dựng. Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khôi Mật trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh “V/v ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”. - Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động thoát nước tại các địa phương; triển khai các phương án, giải pháp khắc phục tình trạng ngập úng khi mưa lớn; chỉ đạo các đơn vị thoát nước duy tu, bảo dưỡng và nạo vét nâng cao hiệu quả của hệ thống thoát nước. - Hướng dẫn triển khai áp dụng thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mới ban hành đối với lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải. - Rà soát hệ thống thoát nước tại các đô thị để cập nhật, điều chỉnh vào nội dung quy hoạch xây dựng đô thị của các địa phương phù hợp với hiện trạng và đảm bảo định hướng quy hoạch thoát nước hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. - Nghiên cứu lập và quản lý bản đồ ngập úng đô thị theo kịch bản biến đổi khí hậu.
Xây dựng kế hoạch để từng bước kêu gọi, huy động các nguồn hỗ trợ từ các tổ chức, các chương trình dự án trong nước và nước ngoài để đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các đô thị loại IV trở lên. Xây dựng kế hoạch và thực hiện chỉnh trang đô thị gắn với nâng cấp, hoàn thiện hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải tại các đô thị.	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: UBND các huyện, thị xã, thành phố. - Phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng kế hoạch, dự án đầu tư để kêu gọi hỗ trợ của các tổ chức, chương trình đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung tại các đô thị. - Xây dựng kế hoạch chỉnh trang đô thị gắn với việc cải tạo, nâng cấp, đầu tư mới hệ thống thoát nước tại các đô thị.
Xây dựng lộ trình triển khai thực hiện giá dịch vụ thoát nước để	Chủ trì: Sở Xây dựng. Phối hợp: Sở Tài chính; UBND	Áp dụng định mức, xây dựng đơn giá thoát nước theo Thông tư số 02/2015/TT-BXD ngày

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
đảm bảo chi trả cho việc duy trì công tác vận hành, tiến tới bù đắp chi phí đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của tỉnh.	các huyện, thị xã, thành phố.	02/4/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước.
Mục tiêu 6.3b. Tăng cường quản lý, bảo vệ môi trường nước và vệ sinh (các chỉ tiêu liên quan gồm: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý đạt 100%; 100% huyện, thị xã, thành phố có khu xử lý chất thải rắn đảm bảo hợp vệ sinh; Tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt 100%; Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch trên 98% và dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh trên 98%; 100% các khu, cụm công nghiệp có hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung trước khi đi vào hoạt động).	Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Khối các cơ quan MTTQ và tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.	Triển khai các nhiệm vụ trọng tâm liên quan tới tăng cường quản lý, bảo vệ môi trường nước và vệ sinh tại Nghị quyết số 236/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 của HĐND tỉnh về những chủ trương, giải pháp tăng cường công tác quản lý bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ninh đến giai đoạn 2016 – 2020 và Kế hoạch triển khai Nghị quyết 236/2015/NQ-HĐND của UBND tỉnh, trong đó có các nhiệm vụ sau: + Áp dụng công nghệ tiên tiến vào giám sát chất lượng môi trường và quản lý tài nguyên; chú trọng đầu tư quan trắc khí thải, nước thải tự động, liên tục đối với các nguồn thải lớn kết nối về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ. + Tăng cường các hoạt động quản lý nhà nước nhằm phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và cải thiện môi trường nước.
Mục tiêu 6.3c. Sửa đổi, nâng mức phí môi trường đối với nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp tích lũy tiến theo mức độ gây ô nhiễm môi trường để từng bước bù đắp chi phí xử lý nước thải sinh hoạt và thúc đẩy xã hội hóa đầu tư xử lý nước thải	Chủ trì: Sở Tài chính Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khối Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.	Ban hành các chính sách giá đối với nước sạch phù hợp đối với tài nguyên nước, đảm bảo khả năng chi trả cho tất cả mọi người
Mục tiêu 6.4. Đến năm 2030, tăng đáng kể hiệu quả sử dụng nước trong tất cả các lĩnh vực, đảm bảo nguồn cung nước sạch bền vững nhằm giải quyết tình trạng khan hiếm nước, giảm đáng kể số người chịu cảnh khan hiếm nước. Bảo đảm việc khai thác nước không vượt quá ngưỡng giới hạn khai thác đối với các sông, không vượt quá trữ lượng có thể khai thác đối với các tầng chứa nước.		
Đến năm 2030 đảm bảo đủ nước cho hoạt động phát triển kinh tế trên địa bàn Tỉnh, đặc biệt là các địa phương có nhu cầu sử dụng nước tăng nhanh như: Hạ Long, Cẩm Phả, Uông Bí, Đông Triều, Quảng Yên, đảo Quan Lạn (Vân Đồn), Hải Hà, Cô Tô.	Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khối Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.	Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp nhằm phát triển nguồn tài nguyên nước được xác định tại Quyết định số 4358/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND Tỉnh phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước Tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.
Lập kế hoạch bảo vệ, khai thác các nguồn nước mặt, nước ngầm hiện có tại địa phương: + Hoàn thành khoanh định hành lang bảo vệ, vùng bảo hộ vệ sinh đối với nguồn nước mặt. + Hoàn thành khoanh định vùng cấm, hạn chế khai thác và các khu vực phải đăng ký đối với nguồn nước dưới đất	Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khối Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.	Hoàn thành khoanh định hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh, vùng cấm, hạn chế khai thác và các khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất tỉnh Quảng Ninh làm cơ sở xây dựng kế hoạch bảo vệ, khai thác tài nguyên nước trên địa bàn Tỉnh.

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
<p>- Kiểm soát các hoạt động khai thác nước mặt, khoan thăm dò nước dưới đất và các hoạt động gây ô nhiễm nguồn nước. Tăng cường bảo vệ nguồn nước dự trữ.</p> <p>+ Đến năm 2019, Kiểm soát hoạt động khai thác nước bằng việc đôn đốc các đơn vị lắp đặt thiết bị, kết nối, cung cấp thông tin về hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.</p> <p>+ Đến năm 2020, kiểm soát các hoạt động thăm dò nước dưới đất.</p>	<p>Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường</p> <p>Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khói Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<p>- Thực hiện Quyết định số 4358/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND Tỉnh phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước Tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;</p> <p>- Triển khai thực hiện Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-UBND ngày 11/8/2014 về kế hoạch hành động nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ sử dụng tổng hợp tài nguyên nước đến 2020</p>
<p>Truyền thông nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ tài nguyên nước.</p>	<p>Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường</p> <p>Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khói Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<p>Thực hiện hàng năm thông qua các chương trình, sự kiện: ngày nước thế giới 22/3, ngày môi trường thế giới 5/6.</p>
<p>Mục tiêu 6.5. Đến năm 2030, thực hiện quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực sông</p>		
<p>Quản lý tổng hợp tài nguyên nước các lưu vực sông; kết hợp quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, đặc biệt là các ngành, lĩnh vực sử dụng nhiều nước với quy hoạch tìm kiếm và khai thác tài nguyên nước:</p> <p>+ Đến năm 2020 quản lý tổng hợp tài nguyên nước các lưu vực sông theo nguồn nước, kết hợp với quản lý theo địa bàn hành chính nhằm thống nhất về số lượng và chất lượng nước; giữa nước mặt và nước dưới đất; giữa thượng lưu và hạ lưu.</p> <p>+ Đến năm 2020 kết hợp giữa quy hoạch ngành xây dựng, ngành nông nghiệp với quy hoạch tài nguyên nước phát triển 80 công trình cấp nước.</p> <p>+ Từ 2020-2030 kết hợp giữa quy hoạch ngành xây dựng, ngành nông nghiệp với quy hoạch tài nguyên nước phát triển 63 công trình cấp nước.</p>	<p>Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường</p> <p>Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khói Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<p>Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp nhằm quản lý tổng hợp tài nguyên nước, phát triển nguồn tài nguyên nước được xác định tại Quyết định số 4358/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND Tỉnh phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước Tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm</p>
<p>- Tăng cường kiểm soát ô nhiễm nguồn nước, chú trọng kiểm soát ô nhiễm các lưu vực sông và nguồn nước xuyên biên giới:</p> <p>+ Kiểm soát các nguồn thải trên 1.000 m³/ngày đêm bằng giải pháp phải lắp đặt thiết bị quan trắc môi trường tự động;</p>	<p>Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường</p> <p>Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khói Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<p>Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả phân vùng mục tiêu chất lượng nước nguồn nước lưu vực sông theo mục đích sử dụng được xác định tại Quyết định số 4358/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND Tỉnh phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước Tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.</p>

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
<ul style="list-style-type: none"> + Kiểm soát các nguồn thải trên 200 m³/ngày đêm. + Đến năm 2020, xây dựng mạng quan trắc tài nguyên nước Tỉnh Quảng Ninh. + Giai đoạn 2020-2030 kiểm soát phân vùng mục tiêu chất lượng nước theo chức năng chính của các lưu vực sông nội tỉnh, sông biên giới. 		
Mục tiêu 6.6. Đến năm 2030, bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái liên quan đến nước		
<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch bảo vệ tài nguyên nước và hệ sinh thái thủy sinh. + Bảo vệ và phát triển rừng, nguồn sinh thủy các hồ lớn, các sông có tầm quan trọng đối với việc cấp nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội Tỉnh. 	<p>Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khôi Mật trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	Thực hiện Quyết định số 4358/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND Tỉnh phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước Tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030
<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống ô nhiễm nguồn nước và bảo vệ tính toàn vẹn của hệ sinh thái thủy sinh, các vùng đất ngập nước, vùng cửa sông, ven biển. + Bảo vệ chất lượng nước gắn với mục đích sử dụng; phân bổ nguồn nước; + Duy trì dòng chảy tối thiểu trên các lưu vực sông. 	<p>Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khôi Mật trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện Quyết định số 4358/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND Tỉnh phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước Tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; - Thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-UBND ngày 11/8/2014 về kế hoạch hành động nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ sử dụng tổng hợp tài nguyên nước đến 2020
Mục tiêu 7. Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho tất cả mọi người		
<p>Mục tiêu 7.1: Đến năm 2020, cơ bản 100% hộ gia đình được tiếp cận với điện; đến năm 2025 đạt 100%, đến năm 2030 đảm bảo tiếp cận toàn dân đối với các dịch vụ năng lượng trong khả năng chi trả, đáng tin cậy và hiện đại</p>	<p>Chủ trì: Sở Công thương Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khôi Mật trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<p>Tổ chức hiệu quả Quy hoạch điện VII điều chỉnh, Quy hoạch phát triển điện lực Quảng Ninh giai đoạn 2016- 2035 đảm bảo mục tiêu đáp ứng đầy đủ nhu cầu điện phục vụ phát triển kinh tế xã hội tỉnh và phát triển sản xuất kinh doanh của nhân dân.</p> <p>Triển khai thực hiện Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 15/3/2016 của UBND tỉnh về phê duyệt Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016- 2020.</p> <p>Triển khai hoàn thành dự án cấp điện cho các cụm điểm dân cư dưới 20 hộ trên địa bàn tỉnh chưa được sử dụng điện, đảm bảo mục tiêu đến năm 2018, 100% số hộ dân trên địa bàn tỉnh được sử dụng điện (điện lưới +điện mặt trời).</p>

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
<p>Mục tiêu 7.2: Đến năm 2030, tăng đáng kể tỷ lệ năng lượng tái tạo trong tổng năng lượng tiêu thụ năng lượng sơ cấp của quốc gia, cụ thể đạt 31% vào năm 2020 và đạt 32,3% vào năm 2030</p>	<p>Chủ trì: Sở Công thương Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khỗi Mật trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<p>Tổ chức triển khai quy hoạch điện VII điều chỉnh, Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó tập trung xây dựng các nhà máy điện chất thải rắn (Vũ Oai, Hoàn Bồ; KCN Hải Hà...); các dự án năng lượng mặt trời tập trung tại Hạ Long, Cẩm Phả, Móng Cái; điện gió tại Cô Tô.</p> <p>Tuyên truyền phổ biến, cơ chế khuyến khích, phát triển các dự án điện gió, mặt trời, qua đó thúc đẩy các tổ chức cá nhân tham gia đầu tư vào nguồn năng lượng, tái tạo để vừa thực hiện vừa tiêu dùng, vừa sản xuất và hưởng lợi các chính sách phát triển năng lượng tái tạo.</p> <p>Ưu tiên các dự án đầu tư sử dụng năng lượng tái tạo trong phát triển ngành năng lượng, làm cơ sở cho xây dựng, thúc đẩy phát triển thị trường năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh.</p> <p>Tăng cường hợp tác quốc tế để tạo điều kiện tiếp cận với nghiên cứu và công nghệ năng lượng sạch, bao gồm cả năng lượng tái tạo, hiệu quả, năng lượng và công nghệ nhiên liệu hóa thạch tiên tiến và sạch hơn, đồng thời xúc tiến đầu tư vào cơ sở hạ tầng năng lượng và công nghệ năng lượng sạch</p>
<p>Mục tiêu 7.3: Đến năm 2030 tăng gấp đôi tốc độ cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng; giảm tiêu thụ điện 10% so với kịch bản cơ sở</p>	<p>Chủ trì: Sở Công thương Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khỗi Mật trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<p>Thực hiện hiệu quả Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi, hải đảo giai đoạn 2013-2020, trong đó triển khai hoàn thành dự án cấp điện ra đảo Cô Tô và đảo Cái Chiên huyện Hải Hà, các dự án điện nông thôn theo Chương trình của chính phủ.</p> <p>Tăng cường sử dụng các nguồn năng lượng mới và tái tạo để cấp cho các khu vực vùng sâu, vùng xa, hải đảo, biên giới.</p>
<p>Mục tiêu 7.4: Đến năm 2030, mở rộng cơ sở hạ tầng, và nâng cấp công nghệ để cung cấp dịch vụ năng lượng hiện đại và bền vững cho tất cả mọi người, đặc biệt cho các vùng kém phát triển, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo</p>	<p>Chủ trì: Sở Công thương Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khỗi Mật trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<p>Thực hiện hiệu quả Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi, hải đảo giai đoạn 2013-2020.</p> <p>Tăng đầu tư từ các nguồn vốn ngân sách cho các dự án năng lượng nông thôn, miền núi, hải đảo để góp phần phát triển kinh tế, giảm nghèo cho các khu vực này. Ưu tiên phát triển các nhà máy điện mới từ nguồn năng lượng tái tạo, ở những khu vực chưa có điện lưới.</p> <p>Tăng cường sử dụng các nguồn năng lượng mới để cấp cho các khu vực ở vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo. Xây dựng cơ chế quản lý để duy trì và phát triển các nguồn điện ở những khu vực này.</p> <p>Đẩy mạnh hơn nữa hợp tác quốc tế trong lĩnh vực năng lượng; ưu tiên hợp tác với các nước láng giềng (Lào, Campuchia, Trung Quốc); sử dụng có hiệu quả các nguồn năng lượng khai thác từ nước ngoài.</p>
<p>Mục tiêu 8: Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người</p>		

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
<p>Mục tiêu 8.1: Đến năm 2020, GRDP bình quân tăng 11-12%/năm, GRDP bình quân đầu người đạt 7.000-8.000 USD; Từ năm 2020 đến 2030, GRDP bình quân tăng khoảng 6,7%/năm, GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng 20.000 USD</p>	<p>Chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư. Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khối Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<p>- Triển khai thực hiện hiệu quả Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2622/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 và các quy hoạch ngành, lĩnh vực khác.</p>
<p>Mục tiêu 8.2: Tăng năng suất lao động thông qua đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cấp và đổi mới công nghệ, tập trung vào các ngành tạo giá trị tăng cao và sử dụng nhiều lao động.</p>	<p>Chủ trì: Sở Kế hoạch và ĐT. Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khối Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<p>- Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 11/8/2017 về triển khai Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21/02/2017 của Chính phủ và Chương trình hành động số 14-CT/TU ngày 30/6/2017 của BCH Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế. - Khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chú trọng đổi mới, ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực quản trị, từ đó nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm.</p>
<p>Mục tiêu 8.3: Tăng cường các chính sách hỗ trợ các hoạt động sản xuất có năng suất cao, tạo việc làm tốt và bền vững, hỗ trợ làm chủ doanh nghiệp, phát minh và sáng tạo; chính thức hóa và tăng trưởng các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ, gồm cả thông qua việc tiếp cận với các dịch vụ tài chính.</p>	<p>Chủ trì: Sở Kế hoạch và ĐT Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khối Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<p>- Thực hiện tốt Nghị quyết của Chính phủ: số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017; số 35/NQ-CP ngày 16/5/2017 về cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp. - Tư vấn và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ; tư vấn trợ giúp các hộ kinh doanh, cơ sở kinh tế về việc chuyển đổi hoặc thành lập doanh nghiệp, đầu tư, sản xuất kinh doanh, liên doanh, liên kết. Tư vấn hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính - tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước.</p>
<p>Mục tiêu 8.4: Đến năm 2030, tăng dần hiệu quả sử dụng nguồn lực trong sản xuất và tiêu thụ, giảm tác động của tăng trưởng kinh tế lên môi trường, phù hợp với Khung chương trình 10 năm về sản xuất và tiêu dùng bền vững của Việt Nam</p>	<p>Chủ trì: Sở Công thương Phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông, Đài phát thanh và truyền hình Quảng Ninh, UBND các địa phương</p>	<p>Thực hiện giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng chất thải. Cải tiến quy trình quản lý, ứng dụng và chuyển sang công nghệ sạch, tái sử dụng và tái chế chất thải, giảm thiểu phát sinh chất thải và ô nhiễm môi trường. Tăng cường sử dụng các nguyên vật liệu, năng lượng tái tạo, sản phẩm thân thiện với môi trường; duy trì tính bền vững của hệ sinh thái tại tất cả các khâu trong vòng đời sản phẩm. Tăng cường truyền thông nâng cao nhận thức về tiêu dùng bền vững; thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng; phát triển chuỗi cung ứng các sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường; thực hiện lối sống xanh, lối sống bền vững theo hướng giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng chất thải.</p>

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
<p>Mục tiêu 8.5: Tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả nam và nữ, bao gồm cả thanh niên, người khuyết tật và thù lao ngang bằng đối với các loại công việc như nhau</p>	<p>Chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khôi Mật trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai thực hiện hiệu quả Luật Việc làm 2013; - Tổ chức thực hiện Dự án phát triển thị trường lao động, việc làm (Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp -Việc làm và An toàn vệ sinh lao động giai đoạn 2016 - 2020); Chương trình việc làm tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016 -2020; Đề án thu hút lao động, phát triển nguồn nhân lực tại các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh. - Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin dữ liệu về thị trường lao động và việc làm; - Phối hợp tham mưu đề xuất tăng vốn Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm; tăng cường thông tin thị trường lao động, dịch vụ việc làm; - Tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh nhằm thúc đẩy tạo việc làm.
<p>Mục tiêu số 8.6: Đến năm 2030, giảm đáng kể tỷ lệ thanh niên không có việc làm (tỷ lệ thất nghiệp khoảng 5,2%), tỷ lệ không đi học hoặc đào tạo (khoảng 5%); Chủ động thực hiện hiệu quả Hiệp ước Việc làm toàn cầu của ILO</p>	<p>Chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khôi Mật trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp xây dựng, triển khai các đề án, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nhân lực của tỉnh đến năm 2030; Thực hiện các giải pháp đồng hành cùng doanh nghiệp nhằm tạo ra việc làm, duy trì việc làm ổn định cho người lao động, nhất là việc làm cho thanh niên; - Phối hợp triển khai thực hiện các chính sách tạo việc làm cho các đối tượng lao động là thanh niên, người khuyết tật, các đối tượng yếu thế.
<p>Mục tiêu 8.7: Thực hiện kịp thời và hiệu quả các biện pháp để xóa bỏ lao động ép buộc, chấm dứt nạn buôn người và nô lệ hiện đại; ngăn chặn và xóa bỏ lao động trẻ em dưới mọi hình thức</p>	<p>Chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khôi Mật trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục về luật pháp, chính sách liên quan tới lao động, nạn buôn người và nô lệ hiện đại, lao động ép buộc - Huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh trong công tác tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức xã hội về các hình thức lao động.
<p>Mục tiêu 8.8: Bảo vệ quyền lao động; đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho tất cả người lao động, đặc biệt là lao động nữ di cư và lao động làm việc trong khu vực phi chính thức</p>	<p>Chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khôi Mật trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức thực hiện Chương trình quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động giai đoạn 2016 - 2020; Thực thi các chính sách về an toàn lao động đối với lao động tự do và lao động nữ làm trong khu vực phi chính thức. - Thực hiện hệ thống báo cáo thống kê các vụ việc và số người thương vong do tai nạn lao động. Tăng cường công tác giáo dục tuyên truyền tại doanh nghiệp và nâng cao trách nhiệm của chủ doanh nghiệp, người sử dụng lao động về bảo đảm an toàn cho người lao động.

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
<p>Mục tiêu 8.9. Đến năm 2030, phát triển du lịch bền vững, tạo việc làm, tạo sản phẩm và dịch vụ du lịch có khả năng cạnh tranh với các nước và thế giới; thúc đẩy quảng bá sản phẩm du lịch địa phương.</p>	<p>Chủ trì: Sở Du lịch Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khóit Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 tại Quyết định số 1418/QĐ-UBND ngày 04/7/2014. - Bảo tồn, khai thác tối đa thế mạnh về du lịch của tỉnh, bao gồm du lịch biển đảo, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch lịch sử, văn hóa và các loại hình du lịch khác. Đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến du lịch trong và ngoài nước, xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch mới; tổ chức đào tạo phát triển nguồn nhân lực phục vụ du lịch; đảm bảo công tác bảo vệ môi trường du lịch. - Kêu gọi các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng du lịch đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch trong thời gian tới.
<p>Mục tiêu 8.10. Tăng cường năng lực các thể chế tài chính trong nước nhằm khuyến khích và mở rộng khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính ngân hàng và bảo hiểm cho mọi người</p>	<p>Chủ trì: Ngân hàng nhà nước chi nhánh Quảng Ninh. Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khóit Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đẩy nhanh tái cơ cấu và hiện đại hóa hệ thống tài chính - ngân hàng để tăng cường năng lực các thể chế tài chính nhằm khuyến khích và mở rộng khả năng tiếp cận với các dịch vụ tài chính, ngân hàng và bảo hiểm cho mọi người. - Cơ cấu lại căn bản, triệt để và toàn diện hệ thống các tổ chức tín dụng theo hướng hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả vững chắc với cấu trúc đa dạng về sở hữu, quy mô và loại hình, có khả năng cạnh tranh cao hơn và dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị ngân hàng tiên tiến phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế. - Hiện đại hóa hệ thống công nghệ của các ngân hàng thương mại để tạo điều kiện phát triển dịch vụ ngân hàng mới và nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng, đồng thời hỗ trợ quản trị ngân hàng có hiệu quả. - Tiếp tục ưu tiên, mở rộng mạng lưới chi nhánh, điểm giao dịch tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa; tích cực mở chi nhánh, gia nhập thị trường tài chính quốc tế và khu vực; phát triển mạnh các kênh phân phối điện tử để tăng khả năng tiếp cận dịch vụ của khách hàng. - Nâng cao chất lượng tài sản, kiểm soát chất lượng tín dụng và giảm nợ xấu. Tiếp tục lành mạnh hóa tình trạng tài chính của các tổ chức tín dụng. - Đổi mới hệ thống quản trị ngân hàng phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế tiên tiến, đặc biệt tăng cường hiện đại hóa hệ thống quản trị rủi ro, nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ.
<p>Mục tiêu 9. Xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững, tăng cường đổi mới.</p>		
<p>Mục tiêu 9.1: Nâng cao chất lượng xây dựng và thực hiện quy</p>	<p>Chủ trì: Sở Giao thông vận tải Phối hợp: Các sở, ngành liên</p>	<p>- Triển khai dự án Giao thông thông minh trên địa bàn Tỉnh, tập trung vào công tác quản lý</p>

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông - Huy động mọi nguồn lực để phát triển hạ tầng giao thông theo Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.	quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khối Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.	giao thông đô thị; - Triển khai các phương thức vận tải theo Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 để tạo nên mạng lưới hoàn chỉnh, liên hoàn, liên kết các phương thức vận tải giữa các đô thị và nông thôn trên địa bàn Tỉnh. Triển khai đầu tư Hàm đường bộ qua vịnh Cửa Lục; Đến năm 2020, hoàn thành tuyến cao tốc Vân Đồn – Móng Cái.
Mục tiêu 9.2: Đến năm 2030 thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững; nâng cấp kết cấu hạ tầng, và các ngành công nghiệp hỗ trợ hướng tới sự bền vững, tăng hiệu quả sử dụng nguồn lực và áp dụng công nghệ, quy trình sản xuất sạch và thân thiện với môi trường; tăng đáng kể tỷ lệ việc làm và tổng sản phẩm quốc nội của ngành công nghiệp.	Chủ trì: Sở Công thương Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khối Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.	- Tập trung phát triển nhóm công nghiệp hỗ trợ, đặc biệt là nhóm sản phẩm cơ khí, hóa chất, điện tử viễn thông phục vụ sản xuất công nghiệp, đồng thời tham gia mạng lưới sản xuất toàn cầu. - Đẩy nhanh ứng dụng công nghệ mới, công nghệ hiện đại nhằm tạo sự đột phá về công nghệ trong sản xuất đối với ngành công nghiệp chủ lực, công nghiệp hỗ trợ.
Mục tiêu 9.3: Tăng khả năng tiếp cận của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đối với các dịch vụ ngân hàng, bao gồm các dịch vụ tín dụng trong khả năng chi trả, tăng cường sự tham gia của các doanh nghiệp vào thị trường và chuỗi giá trị.	Chủ trì: Ngân hàng nhà nước chi nhánh Quảng Ninh. Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	- Tăng cường nâng cao hiệu quả và mở rộng đối tượng tham gia của các Chương trình kết nối tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh; nâng cao vai trò của quản lý nhà nước trong việc kết nối tiêu thụ sản phẩm và hệ thống các kênh phân phối hiện đại, đặc biệt là các sản phẩm tiêu biểu có thương hiệu và tiềm năng của địa phương. - Đẩy mạnh, đa dạng hóa các chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài tin, trong và ngoài nước; đồng thời hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để các đơn vị, doanh nghiệp tiếp cận với hoạt động xúc tiến thương mại của tỉnh.
Mục tiêu 9.4: Tăng cường nghiên cứu khoa học, nâng cao năng lực công nghệ của các ngành công nghiệp; khuyến khích sáng chế phát minh; đến năm 2030 tăng đáng kể tỷ lệ người làm việc trong lĩnh vực nghiên cứu và triển khai; tăng đầu tư cho nghiên cứu và triển khai		
Sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách khuyến khích mạnh mẽ hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp nhằm thúc đẩy cung - cầu công nghệ	Chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khối Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.	Thường xuyên rà soát để điều chỉnh các cơ chế, chính sách, các quy định quản lý khi các quy định của Trung ương được ban hành, sửa đổi. Chuẩn hóa các quy trình giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo công khai, minh bạch, chính xác, đúng pháp luật. Nghiên cứu, chuyển cơ chế cấp phát tài chính để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sang cơ chế quỹ.
Dành nguồn ngân sách địa phương cho khoa học và công nghệ; ưu tiên nguồn lực đầu tư một số lĩnh vực trọng tâm: dịch vụ du lịch, dịch vụ thương mại, công nghệ sinh học, quản lý nhà nước, công nghệ thông tin, y tế, giáo dục và đào tạo.	Chủ trì: Sở Tài chính, Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khối Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.	Giai đoạn 2016–2020: Bố trí ngân sách cho sự nghiệp khoa học/đầu tư phát triển theo tỷ lệ tương ứng là 30/70%; Giai đoạn 2021–2030: Bố trí ngân sách cho sự nghiệp khoa học / đầu tư phát triển theo tỷ lệ tương ứng là 40/60% (Theo Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 02/6/2014 của UBND tỉnh về phê duyệt “Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ tỉnh

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
	Chủ trì: UBND các huyện, thị xã, thành phố	2030") Các địa phương chủ động bố trí kinh phí từ nguồn thu ngân sách địa phương để triển khai hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn
Tổ chức triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng Trung tâm ươm tạo công nghệ và doanh nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ninh” (Quyết định số 3079/QĐ-UBND ngày 09/8/2017)	Chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ Phối hợp: Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Tổ chức triển khai Đề án “Xây dựng Trung tâm ươm tạo công nghệ và doanh nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ninh” theo Quyết định số 3079/QĐ-UBND ngày 09/8/2017 của UBND tỉnh. Trong giai đoạn 2017–2020, tập trung hỗ trợ việc hình thành 02 trung tâm ươm tạo về dược liệu và gốm sứ theo mô hình do doanh nghiệp quản lý và vận hành hoạt động
Tiếp tục duy trì và phát triển thương hiệu của 30 sản phẩm; xây dựng và phát triển thêm 20 nhãn hiệu sản phẩm gắn với địa danh, loại hình dịch vụ có thể mạnh của tỉnh. Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ trong nước, quốc tế cho trên 300 đối tượng sở hữu công nghiệp, trong đó, tối thiểu có 5 sáng chế, giải pháp hữu ích	Chủ trì: UBND các huyện, thị xã, thành phố Phối hợp: Các sở, ban, ngành.	Mỗi huyện, thị xã, thành phố xây dựng và phát triển thêm tối thiểu 01 sản phẩm gắn với địa danh, loại hình dịch vụ có thể mạnh của địa phương.
Đến năm 2020, số doanh nghiệp, tổ chức áp dụng thành công các hệ thống quản lý; công cụ quản lý chất lượng tiên tiến tăng gấp 2 lần so với năm 2015	Chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Triển khai Đề án “Nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020”. Ưu tiên các Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại và du lịch; các doanh nghiệp sản xuất, cung cấp sản phẩm trọng điểm của Quốc gia, của tỉnh và các sản phẩm hàng hóa thuộc chương trình OCOP của tỉnh Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến thích hợp với mỗi loại hình doanh nghiệp nhằm nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa và dịch vụ; Áp dụng, duy trì, cải tiến, chuyển đổi hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 trong các cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước các cấp của tỉnh
Mục tiêu 9.5: Phân đầu có đội ngũ chuyên gia khoa học và công nghệ có khả năng tư vấn trong các lĩnh vực: dịch vụ, công nghệ sinh học, quản lý nhà nước, công nghệ thông tin, y tế, giáo dục và đào tạo	Chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố Chủ trì: Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 Phát huy vai trò của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh trong việc tuyên truyền, phổ biến tri thức, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ; nâng cao năng lực tư vấn, phản biện, giám định xã hội; kết nối, tập hợp, đoàn kết phát huy trí tuệ đội ngũ tri thức Tổ chức các cuộc thi, các phong trào thi đua sáng tạo khoa học, công nghệ trên địa bàn.

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
	<p>Chủ trì: Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố</p>	<p>Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý khoa học và công nghệ các cấp, hiện đại hóa, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ quản lý.</p>
<p>Đến năm 2030, đảm bảo triển khai Internet tốc độ cao đến 100% các xã, phường, thị trấn trên địa bàn Tỉnh; đảm bảo 100% hộ gia đình có khả năng tiếp cận hệ thống thông tin truyền thông</p>	<p>Chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông Phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khảo sát MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<p>- Triển khai thực hiện Quyết định số 4183/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND Tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch số 4879/KH-UBND ngày 17/8/2015 của UBND Tỉnh về việc thực hiện chương trình hành động số 33-CTr/TU ngày 27/01/2015 của Tỉnh ủy Quảng Ninh về việc thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; Quyết định số 1139/2017/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 của UBND Tỉnh quy định hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ (Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì); Kế hoạch số 3379/KH-UBND ngày 16/5/2017 của UBND Tỉnh thực hiện Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2015” trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì); Kế hoạch số 3817/KH-UBND ngày 29/5/2017 của UBND Tỉnh về việc Đề án triển khai mô hình thành phố thông minh tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2017-2020; Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 21/8/2017 về việc thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4; Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động phê duyệt tại Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 09/10/2014 của UBND tỉnh Quảng Ninh “Về việc phê duyệt Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”, Quyết định số 3314/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh “Về việc Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”</p>

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
Mục tiêu số 10: Giảm bất bình đẳng trong xã hội		
Mục tiêu số 10.1: Đến năm 2030, đạt được và duy trì tốc độ tăng thu nhập của nhóm 40% dân số thu nhập thấp nhất cao hơn tốc độ tăng bình quân quốc gia	Chủ trì: Sở Lao động- Thương binh và Xã hội; Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khôi Mật trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.	- Phối hợp thực hiện các chính sách dành riêng cho nhóm 40% dân số nghèo nhất: tạo việc làm, đào tạo nghề, tiếp cận tín dụng ưu đãi.
Mục tiêu 10.2: Đến năm 2030, trao quyền và đẩy mạnh sự tham gia chính trị, kinh tế, xã hội của tất cả mọi người, không kể tuổi tác, giới tính, khuyết tật, sắc tộc, dân tộc, nguồn gốc, tôn giáo, điều kiện kinh tế hoặc điều kiện khác	Chủ trì: Sở Nội vụ; Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khôi Mật trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.	- Thể chế hóa Quy chế dân chủ ở cơ sở trong quy định pháp luật. Theo đó Chính quyền các cấp, đặc biệt là cấp xã phải bàn với dân và tạo điều kiện để người dân thực hiện quyền quyết định trực tiếp đối với các vấn đề như: (1) Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi công cộng; (2) Xây dựng hương ước, quy ước cộng đồng văn hóa, nếp sống văn minh, giữ gìn an ninh trật tự, bài trừ các hủ tục, mê tín dị đoan, tệ nạn xã hội; (3) Các công việc trong nội bộ cộng đồng dân cư, phù hợp với quy định của pháp luật huyện hành. - Rà soát Pháp lệnh dân chủ cơ sở, Nghị định của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.
Mục tiêu 10.3: Đảm bảo cơ hội bình đẳng và giảm bất bình đẳng trong hưởng lợi cho tất cả mọi người	Chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khôi Mật trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.	- Rà soát, điều chỉnh các văn bản chính sách có sự phân biệt đối xử; tăng cường hiệu lực thực thi pháp luật, chính sách và hành động phù hợp về lĩnh vực này. - Ban hành các chính sách tạo cơ hội bình đẳng trong hưởng lợi ở các lĩnh vực như việc làm, y tế, giáo dục, bảo hiểm, trợ cấp. - Lồng ghép vấn đề "bình đẳng trong hưởng lợi cho tất cả mọi người" vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.
Mục tiêu số 10.4: Thực thi các chính sách, đặc biệt là các chính sách tài khoá, tiền lương và an sinh xã hội ngày càng đạt được bình đẳng, cao hơn	Chủ trì: Sở Lao động- Thương binh và Xã hội; Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khôi Mật trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.	- Tham gia hoàn thiện chính sách về tiền lương theo hướng ngày càng bình đẳng hơn. - Tăng cường tuyên truyền, tập huấn, đối thoại với người sử dụng lao động và người lao động; phối hợp ngăn ngừa, giải quyết tốt tranh chấp lao động, góp phần duy trì, đảm bảo quan hệ lao động hài hoà, ổn định trong doanh nghiệp. - Phối hợp với các Sở, ngành thực hiện có hiệu quả công tác quản lý doanh nghiệp nhà nước về lao động, tiền lương theo thẩm quyền. - Bảo đảm tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và có sự tham gia trong thực hiện các chính sách tiền lương và an sinh xã hội, nhất là các chính sách đối với người nghèo, người trong hoàn cảnh dễ bị tổn thương.
Mục tiêu 10.5. Hợp tác quốc tế		

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
<p>- Hợp tác với Khu tự trị Dân tộc Choang Quảng Tây – Trung Quốc và các địa phương Trung Quốc (Phúc Kiến, Vân Nam, Quảng Đông...).</p> <p>- Tham mưu triển khai hiệu quả thoả thuận hợp tác hữu nghị với tỉnh Phúc Kiến, nhất là trong lĩnh vực du lịch.</p> <p>- Tiếp tục củng cố quan hệ hữu nghị với 03 tỉnh Bắc Lào: Hủa - phăn, Xay-nha-bu-li, Luông- pha-bang; quan hệ hợp tác với các đối tác, địa phương khác: Nhật Bản, Hàn Quốc, Cộng hoà Séc, Belarus, và một số nước trong khu vực ASEAN.</p> <p>- Phát triển hợp tác với các đối tác mới, quan trọng và tiềm năng.</p>	<p>Chủ trì: Sở Ngoại vụ</p> <p>Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khóị Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<p>- Tổ chức tốt, hiệu quả chương trình gặp gỡ đầu xuân giữa Bí thư Khu tự trị Dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) và Bí thư 4 tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang (Việt Nam).</p> <p>- Triển khai có hiệu quả các nội dung hợp tác trong khuôn khổ Ủy ban công tác liên hợp giữa 04 tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang (Việt Nam) với Khu tự trị Dân tộc Choang, Quảng Tây (Trung Quốc).</p> <p>- Triển khai hợp tác quốc tế trên mọi lĩnh vực: phát triển kinh tế, thương mại, giao lưu văn hoá, đối ngoại nhân dân, trong đó tập trung vào lĩnh vực đào tạo, lao động...</p>
<p>Mục tiêu 10.6. Tạo thuận lợi cho việc di cư và di chuyển của người dân một cách có trật tự, an toàn, thường xuyên và trách nhiệm, bao gồm cả việc thực hiện các chính sách di cư có kế hoạch và được quản lý tốt</p>	<p>Chủ trì: Công an tỉnh</p> <p>Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan Khóị Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.</p>	<p>- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật hiện hành liên quan tới các quy định về xuất nhập cảnh, quá cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam theo hướng cải cách hơn nữa thủ tục hành chính, áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý và theo dõi cư trú.</p> <p>- Phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc chia sẻ thông tin, hỗ trợ tạo điều kiện cho người di cư và di chuyển ra khỏi và nhập cảnh vào Việt Nam.</p> <p>- Tăng cường giám sát, kiểm tra việc thực thi luật pháp, hoàn thiện chính sách pháp luật về cư trú, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.</p>
<p>Mục tiêu 11: Phát triển đô thị, nông thôn bền vững, có khả năng chống chịu; đảm bảo môi trường sống và làm việc an toàn</p>		
<p>Mục tiêu 11.1: Đảm bảo mọi người dân được tiếp cận với những dịch vụ cơ bản và dịch vụ nhà ở phù hợp, an toàn</p>		
<p>Thực hiện việc cải cách thủ tục hành chính và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân triển khai các dự án đầu tư nói chung và các dự án phát triển nhà ở nói riêng trên địa bàn tỉnh</p>	<p>Chủ trì: Sở Xây dựng;</p> <p>Phối hợp: Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>	<p>Triển khai thực hiện các Luật: Đầu tư; Nhà ở; Đất đai; Kinh doanh bất động sản và các Quyết định của UBND tỉnh số: 2999/2016/QĐ-UBND ngày 15/9/2016; Quyết định số 3717/2016/QĐ-UBND ngày 02/11/2016</p>
<p>Triển khai thực hiện Kế hoạch cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ bị hư hỏng, xuống cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016-2021 và ngoài năm 2021 được phê duyệt tại Quyết định số 4500/QĐ-UBND ngày 30/12/2016.</p>	<p>Chủ trì: Sở Xây dựng.</p> <p>Phối hợp: Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị đang quản lý nhà chung cư cũ.</p>	<p>Hướng dẫn triển khai thực hiện việc cải tạo, xây dựng các chung cư cũ theo quy định của Luật Nhà ở; Nghị định số 101/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ và Thông tư số 21/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.</p> <p>- Đôn đốc các chủ đầu tư tiếp tục triển khai thực hiện dự án cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng thời gian, chất lượng theo dự án được phê duyệt.</p> <p>- Đôn đốc UBND các huyện, thị xã, thành phố</p>

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
		thuộc tỉnh tiếp tục kêu gọi các nhà đầu tư triển khai thực hiện việc đầu tư cải tạo, xây dựng lại các chung cư cũ.
<p>Tiếp tục thực hiện Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 (Chương trình 167 - giai đoạn 2) theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ.</p>	<p>Chủ trì: Sở Xây dựng. Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cơ quan khối MTTQ và các đoàn thể</p>	<p>Triển khai thực hiện Quyết định số 3346/QĐ-UBND ngày 30/8/2017 của UBND tỉnh “V/v điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1841/QĐ-UBND về Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở trên địa bàn tỉnh”.</p> <p>- Triển khai thực hiện Quyết định số 3431/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của UBND tỉnh “V/v điều chỉnh, bổ sung Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo trên địa bàn tỉnh theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 (Chương trình 167 - giai đoạn 2)”.</p>
<p>Mục tiêu 11.2. Đến năm 2030, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận với hệ thống giao thông an toàn, trong khả năng chi trả, thuận tiện và bền vững; cải thiện an toàn giao thông, mở rộng giao thông công cộng với chú ý đặc biệt tới nhu cầu của phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật và người cao tuổi.</p>	<p>Chủ trì: Sở Giao thông Phối hợp: Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>	<p>- Phát triển mạnh giao thông công cộng (gồm: xe buýt, taxi, xe điện,...) tại các thành phố trong Tỉnh (tập trung vào thành phố Hạ Long, Cẩm Phả, Uông Bí, Móng Cái); khuyến khích phát triển các loại phương tiện giao thông công cộng phục vụ người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ và trẻ em; nghiên cứu triển khai một số tuyến vận tải cộng đồng mẫu có khả năng phục vụ người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ và trẻ em; đồng thời đôn đốc chỉ đạo các chủ bến xe cải tạo nâng cấp, sửa chữa các đường dẫn nhà ga, bến xe, bến đỗ, công trình vệ sinh để người khuyết tật tiếp cận.</p> <p>- Triển khai dự án Giao thông thông minh trên địa bàn Tỉnh, tập trung vào công tác quản lý giao thông đô thị;</p>
<p>Mục tiêu 11.3: Tăng cường công tác quy hoạch và phát triển đô thị bền vững, có sự tham gia của cộng đồng; Nghiên cứu đề xuất các giải pháp sử dụng tiết kiệm năng lượng trong các công trình nhà ở, công sở, dịch vụ công cộng;</p>	<p>Chủ trì: Sở Xây dựng. Phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>	<p>- Xây dựng quy trình tham gia của cộng đồng vào các đồ án quy hoạch, các dự án phát triển đô thị; công tác quản lý đô thị.</p> <p>- Khuyến khích sử dụng các vật liệu xây dựng mới tiên tiến, thân thiện môi trường; công nghệ mới trong xây dựng nhà ở đảm bảo chất lượng tốt, giá thành hạ.</p> <p>- Nghiên cứu các giải pháp sử dụng tiết kiệm năng lượng trong các công trình nhà ở, công sở, dịch vụ, các giải pháp phát triển đô thị xanh đảm bảo đô thị hóa nhanh, bền vững.</p> <p>- Rà soát việc thực hiện quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị đảm bảo tính thống nhất, hiệu quả trong việc phối hợp với thực hiện quy hoạch ngành và quy hoạch kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và quản lý thực hiện quy hoạch các cấp. Xây dựng các chế tài, cơ chế nhằm kiểm soát công tác triển khai thực hiện theo quy hoạch.</p> <p>- Tổ chức lấy ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư đối với các đồ án quy hoạch xây dựng, các dự án phát triển đô thị để đảm bảo tính khả thi của quy hoạch.</p>

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
<p>Mục tiêu 11.4. Tăng cường bảo vệ và bảo đảm an toàn các di sản văn hóa và thiên nhiên của thế giới và các di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO công nhận</p>	<p>Chủ trì: Sở Văn hóa và thể thao Phối hợp: Các Sở, ban, ngành, UBND các địa phương; các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội có liên quan</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai các giải pháp bảo vệ và bảo đảm an toàn các di sản tự nhiên, di sản văn hóa và thiên nhiên của thế giới trên địa bàn tỉnh. - Huy động nguồn lực từ khu vực tư nhân đầu tư bảo tồn các di sản tự nhiên và di sản văn hóa thế giới. - Tăng cường sự tham gia của các tổ chức xã hội, cộng đồng trong công tác bảo tồn và bảo vệ an toàn di sản tự nhiên và di sản văn hóa.
<p>Mục tiêu 11.5. Đến năm 2030, giảm đáng kể số người chết và bị ảnh hưởng và giảm đáng kể thiệt hại kinh tế trực tiếp do thiên tai, thảm họa gây ra so với GRDP, chú trọng bảo vệ người nghèo và người dễ bị tổn thương</p>	<p>Chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phối hợp: Các Sở, ban, ngành, UBND các địa phương; Ủy ban MTTQ và các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội có liên quan</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường quản lý nhà nước, thực hiện đồng bộ các giải pháp chủ động phòng, chống thiên tai. Xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai. - Chủ động kiểm tra, rà soát cơ sở hạ tầng vùng thường xuyên bị thiên tai; di dời dân sinh sống ở khu vực nguy hiểm đến nơi an toàn; hỗ trợ về đời sống và sản xuất đối với đối tượng bị thiệt hại do thiên tai gây ra, ưu tiên vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, đối tượng dễ bị tổn thương. - Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai. Thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ. - Khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chủ động thực hiện biện pháp phòng, chống thiên tai; khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình, nghiên cứu và áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào hoạt động phòng, chống thiên tai. Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân tham gia phòng, chống thiên tai. - Huy động các nguồn lực để nâng cao hiệu quả của hoạt động tìm kiếm, cứu nạn.
<p>Mục tiêu 11.6: Giảm tác động có hại của môi trường tới con người tại các đô thị, tăng cường quản lý chất lượng không khí, chất thải đô thị và các nguồn chất thải khác</p>	<p>Chủ trì: Sở Xây dựng. - Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện Quyết định số 1613/2017/QĐ-UBND ngày 23/5/2017 của UBND tỉnh “V/v ban hành Quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”. - Tăng cường công tác quản lý chất thải rắn, đôn đốc, hướng dẫn các địa phương, các đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn theo quy định. - Chủ động kiểm tra xử lý nước thải tập trung tại các đô thị loại IV trở lên đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra môi trường, áp dụng chế độ kiểm tra, quan trắc nước thải sau xử lý theo các Quy định hiện hành. - Thúc đẩy và giám sát chặt chẽ việc thực hiện Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.
<p>Mục tiêu 11.7: Đảm bảo tiếp cận phổ cập với không gian công cộng xanh, an toàn và thân thiện cho toàn dân</p>		

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
Tiếp tục triển khai thực hiện dự án hỗ trợ thúc đẩy Tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh.	Chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Phối hợp: Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Triển khai thực hiện theo Kế hoạch 6970/KH-UBND của UBND tỉnh ngày 16/11/2015 triển khai thực hiện chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh Tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016-2020
Khuyến khích đầu tư, tăng cường huy động các nguồn lực trong xã hội để phát triển các không gian xanh trong các dự án đô thị, khu dân cư.	Chủ trì: Sở Xây dựng Phối hợp: Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn về quy hoạch đô thị xanh, bộ chỉ tiêu về đô thị xanh để định hướng phát triển các đô thị; tiêu chí quy hoạch không gian xanh, không gian công cộng trong đô thị; định mức kinh tế kỹ thuật về công viên cây xanh. - Rà soát quy hoạch tổng thể các đô thị từ cách tiếp cận đô thị bền vững (đô thị xanh, sinh thái và kinh tế,...) và Quy hoạch không gian đô thị đảm bảo hiệu quả kinh tế - sinh thái. - Khuyến khích các chủ đầu tư các dự án phát triển khu đô thị; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư phát triển các không gian xanh trong các dự án khu đô thị, các khu dân cư.
Mục tiêu 11.8: Hỗ trợ việc kết nối thông suốt về kinh tế, xã hội và môi trường với các địa phương thông qua việc tăng cường công tác quy hoạch phát triển vùng.	Chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư Phối hợp: Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã; Cơ quan khối MTTQ và các đoàn thể tỉnh	- Triển khai thực hiện hiệu quả Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2622/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 và các quy hoạch ngành, lĩnh vực khác.
Mục tiêu 11.9: Tăng đáng kể số đô thị và khu dân cư áp dụng quy hoạch và chính sách tích hợp hướng tới sự bao trùm, hiệu quả nguồn lực, giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng khả năng chống chịu trước thảm họa.	Chủ trì: Sở Xây dựng. Phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, đề xuất chỉnh sửa và bổ sung chính sách và pháp luật hiện hành về phát triển đô thị, hướng tới sự bao trùm, giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng cường khả năng chống chịu trước thảm họa của các đô thị, đặc biệt là các đô thị lớn, đô thị ven biển. - Tổng kết Chương trình phát triển Đô thị quốc gia giai đoạn 2012 - 2020, xây dựng Chiến lược phát triển đô thị Việt Nam giai đoạn 2021- 2030 theo hướng tích hợp; bảo đảm tính bao trùm, sử dụng các nguồn lực hiệu quả; lồng ghép nội dung giảm nhẹ, thích ứng với biến đổi khí hậu và tăng cường khả năng chống chịu trước các thảm họa trong Chiến lược. - Tăng tỷ lệ các đô thị áp dụng các chiến lược tích hợp, có lồng ghép giảm thiểu rủi ro và khả năng chống chịu phù hợp với khung chuẩn quốc tế. - Quy hoạch và xây dựng các khu dân cư có khả năng chống chịu với thiên tai.
Mục tiêu 11.10. Phát triển nông thôn bền vững, đảm bảo hài hòa các khía cạnh phát triển kinh tế; đô thị hóa; bao trùm; bảo vệ môi trường sinh thái; xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn xét trên các khía cạnh kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường và dân chủ	Chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	<ul style="list-style-type: none"> - Quy hoạch phát triển nông thôn một cách bền vững, khuyến khích đô thị hóa nông thôn một cách hợp lý, nhằm tạo sự phát triển bền vững ở cả nông thôn và đô thị; tạo lập môi quan hệ hợp lý về phân công lao động, trao đổi và thúc đẩy lẫn nhau giữa nông thôn và đô thị. - Cải thiện đời sống vật chất ở nông thôn theo hướng ngày càng đầy đủ tiện nghi và đời sống văn hóa, tinh thần ngày càng văn minh, tiến bộ;

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
		<p>giảm dần khoảng cách giữa nông thôn và đô thị.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và thực hiện những chương trình thúc đẩy sử dụng đất đai, nguồn nước ở các địa phương; Áp dụng những hệ thống sản xuất kết hợp nông - lâm, nông - lâm - ngư nghiệp phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng nhằm sử dụng tổng hợp và có hiệu quả các loại tài nguyên thiên nhiên. - Đẩy mạnh quá trình cơ cấu lại kinh tế, giống cây trồng vật nuôi và sử dụng nguồn lao động nông thôn. Đa dạng hóa cơ cấu sản xuất kinh doanh nhằm tạo thêm việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập, phân công lại lao động nông thôn, tạo điều kiện cho việc định cư ổn định, giảm bớt sức ép di dân từ nông thôn ra thành thị. - Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới gắn với bảo vệ môi trường.
Mục tiêu 12: Đảm bảo mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững		
<p>Mục tiêu 12.1. Thực hiện Khung chương trình 10 năm về sản xuất và tiêu dùng bền vững theo cam kết quốc tế</p>	<p>Chủ trì: Sở Công thương Phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. - Tham gia xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý và chính sách về sản xuất và tiêu dùng bền vững. - Đề xuất giải pháp thay đổi hành vi tiêu dùng, thực hiện lối sống bền vững. Nâng cao khả năng tiếp cận thị trường và thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm xuất khẩu trọng điểm của Việt Nam theo hướng bền vững. - Đề xuất triển khai việc xanh hóa hệ thống phân phối và phát triển chuỗi cung ứng quốc gia các sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường, trong đó ưu tiên sản phẩm, hàng hóa do doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất, cung ứng. - Huy động hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân cho việc tăng cường năng lực khoa học và công nghệ hướng tới các mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững
Mục tiêu 12.2. Đến năm 2030, đạt được quản lý bền vững và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững tài nguyên khoáng sản		
<p>a) Quy hoạch, quản lý quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản; bảo đảm việc sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với việc bảo vệ, khai thác tài nguyên khoáng sản trên địa bàn Tỉnh. 	<p>Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường. Phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>	<p>Triển khai Luật Khoáng sản và các VB hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản; Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 25/4/2011 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch số 2970/KH-UBND ngày 03/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 25/4/2011 của Bộ Chính trị.</p>

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
b) Quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, khoáng sản.	Chủ trì: Sở Công thương, Phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng phương thức tiếp cận vòng đời sản phẩm trong triển khai các hoạt động đổi mới sinh thái tại các doanh nghiệp, cụm công nghiệp, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, phòng ngừa và giảm thiểu chất thải. - Thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới thay thế các nguồn tài nguyên truyền thống. - Khai thác sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên khoáng sản, đảm bảo dự trữ tài nguyên khoáng sản phục vụ nhu cầu phát triển các ngành kinh tế trước mắt và lâu dài; hạn chế, kiểm soát chặt chẽ việc xuất khẩu tài nguyên thô và đến năm 2020, chấm dứt xuất khẩu khoáng sản chưa qua chế biến sâu; đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản.
Mục tiêu 12.3. Đến năm 2030, giảm một nửa chất thải lương thực, tính theo đầu người và giảm tổn thất lương thực trong chuỗi sản xuất và cung ứng, bao gồm cả những tổn thất sau thu hoạch	Chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường áp dụng công nghệ sau thu hoạch, phát triển các dự án ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển giao công nghệ về giảm tổn thất sau thu hoạch. - Triển khai các dự án chế tạo máy nông nghiệp đáp ứng yêu cầu của sản xuất, giảm tổn thất sau thu hoạch. - Xây dựng và phát triển chuỗi cung ứng bền vững cho các sản phẩm nông sản.
Mục tiêu 12.4. Đến năm 2020 đạt quản lý tốt các vòng đời của các loại hóa chất và chất thải theo cam kết quốc tế đã cam kết nhằm giảm tải ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí có tác động có hại đến sức khỏe con người và môi trường		
a) Quản lý tốt các vòng đời của các loại hóa chất và chất thải theo cam kết quốc tế	Chủ trì: Sở Công thương, Phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn, khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14000; các quy định về hướng dẫn sử dụng hạn ngạch phát thải và hình thành thị trường chuyên nhượng hạn ngạch phát thải; quy định về kiểm toán chất thải và đánh giá vòng đời sản phẩm. - Thực hiện nghiêm chế độ đăng ký hoạt động hóa chất, đặc biệt là đối với hóa chất độc hại. - Tham mưu xây dựng năng lực phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất. - Áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, các yêu cầu về an toàn hóa chất, kết hợp kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm bảo đảm thực hiện đúng quy định của pháp luật.
b) Giảm tải ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí có tác động có hại đến sức khỏe con người và môi trường	Chủ trì: Sở Tài nguyên và MT Phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát khuôn khổ pháp lý về quản lý hoạt động xả thải, đặc biệt đối với hoạt động xả thải hóa chất độc hại ra môi trường để ban hành quy định pháp luật đầy đủ, phù hợp nhằm đảm bảo phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường. - Phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
		nhiễm môi trường; cải tạo, phục hồi môi trường các khu vực đã bị ô nhiễm; cải thiện môi trường sống của người dân, hạn chế tác động do ô nhiễm môi trường đến sức khỏe của nhân dân.
Mục tiêu 12.5a Đến năm 2030, giảm đáng kể lượng chất thải phát sinh, tăng cường giá trị kinh tế của nguồn tài nguyên chất thải thông qua việc phòng ngừa, giảm thiểu, tái chế và tái sử dụng, thu hồi năng lượng từ xử lý chất thải		
<p>Từng bước thực hiện thu gom, phân loại rác thải tại nguồn, ban hành các chính sách nhằm hỗ trợ, thúc đẩy các hoạt động tái chế, tái sử dụng chất thải tại nguồn và các doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực tái chế, xử lý chất thải.</p> <p>- Đến năm 2020</p> <ul style="list-style-type: none"> + 95% chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh được thu gom và xử lý hợp vệ sinh, trong đó tái chế, tái sử dụng chiếm 75 – 80% + 90% tổng lượng chất thải công nghiệp không nguy hại và nguy hại phát sinh được thu gom xử lý an toàn đảm bảo môi trường, trong đó trên 75% được tái sử dụng và tái chế + 80% chất thải rắn xây dựng được thu gom và xử lý, trong đó 50% được thu hồi để tái sử dụng và tái chế. + 100% lượng chất thải y tế không nguy hại và nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế, bệnh viện được thu gom và xử lý an toàn đảm bảo môi trường. + 75% chất thải phát sinh tại các điểm dân cư nông thôn được thu gom và xử lý, trong đó 50% được tái sử dụng và tái chế <p>- Đến năm 2030:</p> <ul style="list-style-type: none"> + 100% chất thải sinh hoạt đô thị phát sinh được thu gom và xử lý hợp vệ sinh, trong đó tái chế, tái sử dụng chiếm 90%. + 100% chất thải rắn công nghiệp được thu gom và xử lý an toàn trong đó trên 75% được sử dụng và tái chế. + 95% chất thải rắn xây dựng được thu gom và xử lý, trong đó 60% được thu hồi để tái sử dụng hoặc tái chế. + 100% bùn bở phốt của các đô thị từ loại II trở lên và 50% của các đô thị còn lại được thu gom và xử 	<p>Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>	Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Nghị quyết 236/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 về những chủ trương giải pháp tăng cường công tác quản lý, bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016 – 2020 của HĐND tỉnh và Kế hoạch triển khai Nghị quyết; thực hiện quy định tại Quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt Quyết định số 4012/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh; Quy chế quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành theo Quyết định số 1613/2017/QĐ-UBND ngày 23/05/2017 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 12/4/2018 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết 12-NQ/TU ngày 12/3/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về bảo vệ môi trường tỉnh giai đoạn 2018-2022.

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
lý đảm bảo môi trường. + 100% lượng chất thải rắn phát sinh tại các điểm dân cư nông thôn được được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.		
Mục tiêu 12.5.b: Giảm đáng kể lượng chất thải phát sinh, tăng cường giá trị kinh tế của nguồn tài nguyên chất thải thông qua việc phòng ngừa, giảm thiểu, tái chế và tái sử dụng, thu hồi năng lượng từ xử lý chất thải		
Tăng cường công tác thu gom và xử lý chất thải rắn.	Chủ trì: UBND các huyện, thị xã, thành phố. Phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Tăng cường công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn tại các đô thị, khu dân cư nông thôn đảm bảo kế hoạch đề ra.
Rà soát, hướng dẫn thực hiện hệ thống quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật về quản lý chất thải rắn	Chủ trì: Sở Xây dựng. Phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Hướng dẫn các địa phương, các đơn vị tham gia thực hiện công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh thực hiện quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật về quản lý chất thải rắn theo các quy định hiện hành.
Quản lý công tác đầu tư các cơ sở xử lý chất thải rắn theo quy hoạch quản lý chất thải rắn đã được phê duyệt.	Chủ trì: UBND các huyện, thị xã, thành phố. Phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Quản lý công tác đầu tư xây dựng, vận hành các cơ sở xử lý chất thải rắn trên địa bàn theo quy hoạch quản lý chất thải rắn đã được phê duyệt.
Khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường.	Chủ trì: UBND các huyện, thị xã, thành phố. - Phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường.
Mục tiêu 12.6. Đảm bảo các hoạt động mua sắm công bền vững	Chủ trì: Sở Tài chính Phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội Tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện quy chế chỉ tiêu công xanh khi Bộ Tài chính ban hành. Ưu tiên mua sắm và sử dụng hàng hóa dán nhãn sinh thái, hàng hóa có khả năng tái chế sử dụng nguồn ngân sách nhà nước. - Thực hiện quy định các công trình, dự án đầu tư công phải áp dụng các tiêu chuẩn kinh tế xanh (tiêu chuẩn sử dụng năng lượng, nguyên vật liệu, thiết kế thích hợp điều kiện sinh thái, tính đến tác động của biến đổi khí hậu). - Định kỳ tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các thông lệ mua sắm công bền vững và cơ chế, chính sách liên quan. Đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách khi cần thiết.
Mục tiêu 12.7: Đến năm 2030, bảo đảm người dân ở mọi nơi có thông tin và nhận thức phù hợp về phát triển bền vững và cách sống hài hòa với thiên nhiên	Chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông Phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội Tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và thực hiện các chương trình truyền thông có nội dung và hình thức tuyên truyền thích hợp cho từng nhóm đối tượng trên địa bàn tỉnh. - Phát huy vai trò và trách nhiệm của các cơ quan báo chí của tỉnh trong việc nâng cao nhận thức của người dân trong tỉnh về các chủ trương, chính sách và chiến lược phát triển bền vững của đất nước, của tỉnh; phổ biến nội dung, thông tin về phát triển bền vững. - Cập nhật và đưa các nội dung giáo dục về phát

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
		triển bển vững vào chương trình giảng dạy của các cấp học, bậc học trên địa bàn tỉnh.
Mục tiêu 12.8: Hoàn thiện các chính sách về thuế, giá đối với nhiên liệu hóa thạch và đồng thời có chính sách phù hợp nhằm bảo vệ người nghèo, những đối tượng hoặc nhóm đối tượng dễ bị tổn thương trước những tác động tiêu cực có thể xảy ra	Chủ trì: Sở Tài chính Phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội Tỉnh.	- Thực hiện lộ trình xóa bỏ trợ cấp đối với nhiên liệu hóa thạch, đi đối với việc rà soát, sửa đổi các loại thuế liên quan (như thuế bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên v.v...) theo quy định của Trung ương. - Có các biện pháp giảm thiểu những tác động tiêu cực đối với người nghèo và những nhóm dân cư bị ảnh hưởng.
Mục tiêu 13: Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai		
Mục tiêu 13.1a Tăng cường khả năng chống chịu và thích nghi với rủi ro liên quan tới biến đổi khí hậu, ứng phó với thiên tai và các thảm họa tự nhiên khác		
Triển khai các giải pháp cụ thể để phòng chống hiệu quả thiên tai, lũ quét và sạt lở đất ở vùng núi; duy trì và vận hành có hiệu quả lâu dài.	Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường Phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về tài nguyên môi trường, cảnh báo lũ quét và trượt lở đất đối với các khu vực miền núi, thống nhất từ cấp tỉnh đến các ngành, các địa phương. - Xây dựng hệ thống tự động giám sát và cảnh báo thiên tai tại tỉnh Quảng Ninh.(Dự án thuộc nhiệm vụ ưu tiên đã được xác định tại Quyết định số 713/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2010-2015, tầm nhìn đến năm 2020). - Phát triển mạng lưới quan trắc Trạm Khí tượng thủy văn chuyên dùng và cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn trên địa bàn Tỉnh.
Mục tiêu 13.1.b: Tăng cường khả năng chống chịu và thích nghi với rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu, ứng phó với thiên tai		
Đến năm 2018, hoàn thành thực hiện Đề án di dân tổng thể ra khỏi vùng sạt lở, ngập lụt nguy hiểm trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	- Chủ trì: Sở Xây dựng. - Phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Tổ chức di dời các hộ dân ra khỏi vùng sạt lở, ngập lụt nguy hiểm trên địa bàn các địa phương: Cẩm Phả, Vân Đồn, Tiên Yên, Bình Liêu; đảm bảo hoàn thành công tác di dời trong năm 2018 theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 20/7/2017.
Mục tiêu 13.2.a: Lồng ghép các yếu tố biến đổi khí hậu vào các chính sách, chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển	Chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư Phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	- Rà soát, điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở khoa học, hiệu quả kinh tế và tính đến các yếu tố rủi ro, bất định của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. - Xây dựng năng lực cán bộ hoạch định chính sách về lồng -ghép biến đổi khí hậu vào chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.
Hướng dẫn triển khai thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thiết kế công trình, quy hoạch xây dựng, cơ sở hạ tầng dựa trên các kịch bản biến đổi khí hậu.	- Chủ trì: Sở Xây dựng. - Phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố, các chủ đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thiết kế công trình, quy hoạch xây dựng, cơ sở hạ tầng dựa trên các kịch bản biến đổi khí hậu theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành liên quan.

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
Điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thiết kế công trình cơ sở hạ tầng giao thông dựa trên các kịch bản biến đổi khí hậu	Chủ trì: Sở Giao thông vận tải. Phối hợp: Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện, thị xã, thành phố	<ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi, kịp thời có giải pháp điều chỉnh, bổ sung (nếu có) về cơ sở hạ tầng giao thông để khắc phục được các vấn đề do biến đổi khí hậu gây ra.
Mục tiêu 13.3a. Giáo dục, nâng cao nhận thức, năng lực và thể chế trong cảnh báo sớm, ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai		
<p>Xây dựng, thực hiện các chương trình truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và các thành phần xã hội về các vấn đề biến đổi khí hậu.</p> <p>- Nâng cao năng lực trong quản lý và lập kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt chú trọng tới phụ nữ, thanh niên, cộng đồng địa phương và những nhóm hay bị lãng quên.</p>	Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường Phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về thực hiện Thỏa thuận Paris cho cán bộ quản lý các cấp và cộng đồng dân cư trên địa bàn Tỉnh. - Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, hiểu biết cho học sinh về BĐKH thông qua các hoạt động ngoại khóa và các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường.
	Chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo Phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	<p>(1) Đưa kiến thức cơ bản về ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào các chương trình giáo dục đào tạo các cấp. (2) Tổ chức các sáng kiến về phòng chống thiên tai - ứng phó với biến đổi khí hậu, lấy học sinh là trung tâm.</p>
	Chủ trì: Nông nghiệp và PTNT Phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện hiệu quả Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng. - Truyền thông, nâng cao nhận thức trong cộng đồng về giảm nhẹ rủi ro thiên tai. - Xây dựng năng lực ứng phó của cộng đồng về phòng, chống thiên tai
Mục tiêu 14. Bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và nguồn lợi biển để phát triển bền vững		
Mục tiêu 14.1. Đến năm 2030 ngăn ngừa, giảm đáng kể và kiểm soát được các loại ô nhiễm biển, đặc biệt từ các hoạt động trên đất liền, chú ý tới các chất thải rắn, nước thải và ô nhiễm chất hữu cơ. Đến năm 2020, 100% mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển được cắm theo quy hoạch thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển, 100 % cơ sở có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu lập kế hoạch tràn dầu, phương án nhận chìm, đổ thải được phê duyệt. Từ năm 2021-2030, tổ chức duy trì, điều chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển, duy trì giám sát chặt chẽ các cơ sở thực hiện ứng phó sự cố tràn dầu, nhận chìm ở biển, đổ thải trên đất liền.	Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố, đoàn thể và tổ chức xã hội	<p>Lập quy hoạch thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Ninh ở những khu vực cần bảo vệ hệ sinh thái, duy trì giá trị dịch vụ của hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên vùng bờ, giảm thiểu sạt lở bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, bảo đảm quyền tiếp cận người dân với biển.</p> <p>Giám sát chặt chẽ chủ cảng, cơ sở, dự án việc lập và thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, nhận chìm ở biển, đổ thải trên đất liền. Thành lập tổ chức ứng cứu sự cố tràn dầu chuyên nghiệp với đầy đủ nhân lực, phương tiện trang thiết bị kịp thời ứng phó sự cố tràn dầu trên biển và đất liền.</p> <p>Thực hiện Nghị quyết 12-NQ/TU ngày 12/3/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về bảo vệ môi trường tỉnh giai đoạn 2018-2022.</p>

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
<p>Mục tiêu 14.2: Đến năm 2030, tăng cường quản lý và bảo vệ các hệ sinh thái biển, ven biển và hải đảo để tránh các tác động tiêu cực.</p>	<p>Chủ trì: Sở Nông nghiệp và PTNT; - Phối hợp: Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội tỉnh</p>	<p>1. Triển khai Chương trình bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản đến 2020, định hướng đến 2030 theo Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 16/1/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh: (1). Xây dựng và thực hiện các chương trình bảo tồn các loài được ưu tiên bảo vệ; (2). Thực hiện các giải pháp tổng thể ngăn chặn đà suy giảm nguồn lợi thủy sản trên các vùng biển, từng bước phục hồi và làm giàu nguồn lợi thủy sản vùng biển gần bờ; (3). Xây dựng và triển khai các mô hình đồng quản lý tài nguyên và hệ sinh thái biển; (4). Cải thiện và phục hồi môi trường hệ sinh thái biển, hải đảo bị ô nhiễm, suy thoái. 2. Triển khai thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TU ngày 06/5/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về phát triển kinh tế thủy sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.</p>
<p>Mục tiêu 14.3. Giảm thiểu và xử lý tác động của a – xít hóa đại dương, ưu tiên việc tăng cường hợp tác khoa học ở tất cả các cấp trong bối cảnh biến đổi khí hậu Đến năm 2020, hoàn thành việc rà soát hiện trạng đảo trên địa bàn tỉnh, hệ thống kỹ thuật về giao khu vực biển được triển khai sử dụng. Đến năm 2030, 100% các đảo được điều tra điều kiện tự nhiên, tài nguyên, môi trường, lập hồ sơ tài nguyên hải đảo trên địa bàn tỉnh</p>	<p>Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố, đoàn thể và tổ chức xã hội</p>	<p>+ Điều tra, đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường hải đảo; lập và quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo. + Xây dựng hệ thống kỹ thuật phục vụ công tác quản lý nhà nước về giao khu vực biển cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh.</p>
<p>Mục tiêu 14.4: Đến năm 2020, quản lý một cách hiệu quả hoạt động khai thác, chấm dứt việc khai hải sản quá mức, các hoạt động khai thác hải sản bất hợp pháp, không được báo cáo hoặc không theo quy định và những hoạt động khai thác hải sản mang tính hủy diệt; thực hiện các kế hoạch quản lý khoa học để phục hồi trữ lượng hải sản trong thời gian ngắn nhất có thể, tối thiểu là ở mức có thể đạt được sản lượng bền vững tối đa theo những đặc điểm sinh học của chúng.</p>	<p>Chủ trì: Sở Nông nghiệp và PTNT; - Phối hợp: Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội tỉnh</p>	<p>Triển khai thực hiện: (1). Quyết định số 4209/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành Thủy sản tỉnh đến 2020, tầm nhìn đến 2030; (2). Quyết định số 2418/2014/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định quản lý nhà nước về hoạt động khai thác và BVNL thủy sản trên địa bàn tỉnh; (3). Chỉ thị số 18-CT/TU ngày 01/9/2017 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác quản lý, khai thác, BVNL thủy sản trên địa bàn tỉnh; (4). Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 28/9/2017 của UBND tỉnh về việc kế hoạch thực hiện Chỉ thị 18-CT/TU ngày 01/9/2017 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác quản lý khai thác, BVNL thủy sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020; (5). Hiện đại hóa công tác quản lý nghề cá trên biển; (6). Xây dựng cơ chế quản lý phù hợp để định hướng khai thác, bảo tồn và phát triển nguồn lợi hải sản trên biển một cách bền vững;</p>

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
		<p>(7). Nghiên cứu và chuyển giao KHKT trong nghề khai thác hải sản. Thực hiện việc thả các giống thủy sản đảm bảo chất lượng ra biển và các thủy vực nội địa theo mùa vụ để phục hồi, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản;</p> <p>(8). Xây dựng, thiết lập cơ chế, chính sách quản lý khai thác nội địa từ điều tra nguồn lợi trên các lưu vực sông, suối, hồ đến quản lý khai thác gắn với BVNL thủy sản, bảo vệ môi trường; Chống đánh bắt bất hợp pháp, hủy diệt nguồn lợi; Nghiêm cấm sử dụng các công cụ khai thác hủy hoại môi trường nguồn lợi thủy sản;</p> <p>(9). Phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các hoạt động nghiên cứu nguồn lợi và tổ chức khai thác hải sản trên biển.</p>
<p>Mục tiêu 14.5: Đến năm 2030, Quy hoạch chi tiết và thành lập các Khu bảo tồn biển Cô Tô, đảo Trần; triển khai quản lý có hiệu quả các khu vực: Khu bảo tồn dưới biển Vườn Quốc Gia Bái Tử Long; Khu di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long</p>	<p>- Chủ trì: Sở Nông nghiệp và PTNT;</p> <p>- Phối hợp: Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội tỉnh</p>	<p>Triển khai thực hiện:</p> <p>(1). Quy hoạch chi tiết và thành lập các Khu bảo tồn biển Cô Tô, đảo Trần;</p> <p>(2). Tăng cường năng lực nghiên cứu và chuyển giao công nghệ biển theo các Hướng dẫn và Tiêu chuẩn của Ủy ban Hải dương học Liên quốc gia về Chuyển giao Công nghệ Biển, nhằm cải thiện sức khỏe đại dương và tăng cường sự đóng góp của đa dạng sinh học biển vào sự phát triển của quốc gia;</p> <p>(3). Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo tồn biển;</p> <p>(4). Tăng cường cơ chế đầu tư và năng lực cho hoạt động của các khu bảo tồn biển;</p> <p>(5). Tăng cường cơ chế, chính sách hỗ trợ cho người dân có cuộc sống liên quan đến các khu bảo tồn biển;</p> <p>(6). Tăng cường nhận thức người dân, địa phương tại khu vực bảo tồn.</p>
<p>Mục tiêu 14.6. Đến năm 2030, nghiêm cấm các loại hình trợ cấp thủy sản dẫn đến việc đánh bắt quá mức hoặc đánh bắt phi pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU) tạo điều kiện cho việc đàm phán trợ cấp thủy sản của Tổ chức Thương mại Thế giới</p>	<p>- Chủ trì: Sở Nông nghiệp và PTNT.</p> <p>- Phối hợp: Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội tỉnh</p>	<p>- Xây dựng lộ trình xóa bỏ trợ cấp đối với hoạt động đánh bắt được xác định là gây ra tác động xấu tới nguồn lợi hải sản đã trong tình trạng bị đánh bắt quá mức; xóa bỏ mọi hình thức trợ cấp cho các tàu đánh bắt bất hợp pháp, không theo quy định và không báo cáo.</p> <p>- Thực hiện chính sách thuế khai thác tài nguyên đối với hoạt động khai thác thủy sản để thúc đẩy hoạt động khai thác thủy sản bền vững.</p> <p>- Tạo khả năng tiếp cận các tài nguyên biển và thị trường cho các hộ ngư dân quy mô nhỏ. Đặc biệt là hộ ngư dân nghèo.</p>
<p>Mục tiêu 15. Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi môi trường đất</p>		

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
<p>Mục tiêu 15.1. Đến năm 2020, đề cử công nhận 01 khu bảo tồn đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế; từ năm 2021 đến năm 2030 tiếp tục bảo tồn, phục hồi và sử dụng bền vững các hệ sinh thái đất ngập nước quan trọng, các dịch vụ hệ sinh thái liên quan</p>	<p>Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường Phối hợp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố, đoàn thể và tổ chức xã hội</p>	<p>- Triển khai Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Nghị quyết số 236/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 của HĐND tỉnh về những chủ trương, giải pháp tăng cường công tác quản lý bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ninh đến giai đoạn 2016 – 2020, trong đó có các nhiệm vụ: + Lập hồ sơ đề xuất công nhận 01 khu bảo tồn đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế. + Điều tra, kiểm kê, đánh giá tiềm năng, giá trị, thực trạng và xu hướng diễn biến và xác định hình thức phát triển bền vững các hệ sinh thái đất ngập nước tự nhiên quan trọng của tỉnh. + Tăng cường quản lý nhà nước về đa dạng sinh học đối với các khu vực đất ngập nước quan trọng trong tỉnh.</p>
<p>Mục tiêu 15.2: * Đến năm 2020: - Tỷ lệ che phủ rừng duy trì và ổn định ở tỷ lệ 55%; - Tăng trưởng giá trị sản xuất (theo giá cố định 2010) giai đoạn đến năm 2020 đạt tốc độ bình quân 8%/năm; Giá trị tăng thêm đạt 360 tỷ đồng (theo giá so sánh 2010), tăng trưởng GDP đạt 8,3%/năm; * Đến năm 2030: - Tỷ lệ đất có rừng 64%; - Diện tích rừng đặc dụng và rừng phòng hộ lên 141.194,25 ha. - Sản lượng gỗ đạt từ 1,5 - 2,0 triệu m³ gỗ, trong đó gỗ lớn 0,7 triệu m³.</p>	<p>- Chủ trì: Sở Nông nghiệp và PTNT; - Phối hợp: Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội tỉnh</p>	<p>- Triển khai thực hiện: - (1). Nghị quyết 12-CT/TU ngày 20/3/2017 của Tỉnh ủy Quảng Ninh về Chương trình Hành động triển khai thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; - (2). Quyết định số 2669/QĐ-UBND ngày 14/11/2014 của UBND tỉnh Quảng Ninh về Phê duyệt Quy hoạch Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020; - (3). Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 25/5/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến 2030”.</p>
<p>Mục tiêu 15.3. Đến năm 2030, tăng cường phòng, chống sa mạc hóa, khôi phục đất thoái hóa, bao gồm đất bị ảnh hưởng bởi hiện tượng sa mạc hóa, hạn hán, lũ lụt và do các nguyên nhân khác</p>	<p>- Chủ trì: Sở Nông nghiệp và PTNT; - Phối hợp: Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội tỉnh</p>	<p>- Hoàn thiện cơ sở pháp lý bảo vệ tài nguyên đất, tài nguyên rừng và tài nguyên nước. - Nâng cao nhận thức, đào tạo nguồn nhân lực và tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở nghiên cứu để phục vụ phòng chống sa mạc hóa. - Điều tra, đánh giá thực trạng sa mạc hóa và xác định nguyên nhân, đề xuất giải pháp phòng, chống sa mạc hóa. - Phục hồi tối đa các vùng đất bị sa mạc hóa. Xây dựng các mô hình thí điểm sử dụng các công nghệ phục hồi và tăng độ phì của đất bị hoang hóa do ô nhiễm, thiếu nước..., các mô hình hoạt động cộng đồng liên kết từ sản xuất nông, lâm nghiệp đến thị trường để canh tác hiệu quả, bền vững ở vùng sa mạc hóa. - Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ hiện đại, công nghệ truyền thống trong sử dụng bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng, tài nguyên đất, nguồn nước phục vụ phòng, chống</p>

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
		<p>sa mạc hóa. Khuyến khích áp dụng các biện pháp canh tác, sử dụng đất bền vững trong nông nghiệp, hạn chế sử dụng hóa chất, phân bón vô cơ trong sản xuất nông nghiệp, chống xói mòn, rửa trôi, suy thoái đất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thúc đẩy phát triển các mô hình làng kinh tế sinh thái trên các vùng đất thoái hóa, bạc màu, hoang mạc hóa nhằm cải tạo chất đất, thu hẹp quy mô và mức độ thoái hóa, bạc màu.
<p>Mục tiêu 15.4. Đến năm 2030, đảm bảo bảo tồn các hệ sinh thái rừng có tầm quan trọng quốc gia và quốc tế, bao gồm cả tính đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái, phục vụ cho phát triển bền vững</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: Sở Nông nghiệp và PTNT; - Phối hợp: Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội tỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Củng cố, hoàn thiện hệ thống các khu bảo tồn. Đẩy mạnh hoạt động bảo vệ nghiêm ngặt rừng nguyên sinh; thực hiện các biện pháp ngăn chặn có hiệu quả tình trạng phá rừng, khai thác rừng trái phép nhằm bảo vệ rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn. - Phục hồi rừng ngập mặn. Thực hiện kế hoạch bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước trên phạm vi toàn quốc, ưu tiên đối với các lưu vực sông trọng yếu. - Xác định quy mô, phạm vi và triển khai các giải pháp bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái rạn san hô và thảm cỏ biển. - Nhân rộng các mô hình quản lý khu bảo tồn thiên nhiên có sự tham gia của cộng đồng và thực hiện cơ chế chia sẻ hải hòa lợi ích giữa các bên có liên quan. - Nghiên cứu, xây dựng hướng dẫn và triển khai thí điểm lượng giá kinh tế đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái. - Thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; thí điểm chính sách chi trả dịch vụ môi trường áp dụng cho các hệ sinh thái biển và đất ngập nước. - Lập và triển khai kế hoạch đề cử các khu bảo tồn đạt các danh hiệu quốc tế về bảo tồn, bao gồm các khu đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế (khu Ramsar), khu dự trữ sinh quyển, vườn di sản ASEAN. Xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn quản lý đối với các khu bảo tồn được quốc tế công nhận; thực hiện chính sách hỗ trợ xây dựng năng lực để quản lý hiệu quả các khu này. - Lồng ghép đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển của quốc gia và địa phương (Mục tiêu 15.9 toàn cầu). - Huy động tài chính từ tất cả các nguồn phục vụ cho bảo tồn, sử dụng đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái một cách bền vững. - Đẩy mạnh hợp tác quốc tế nhằm áp dụng, triển khai rộng rãi các cơ chế tài chính mới nhằm tăng cường nguồn lực cho đa dạng sinh học.

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
<p>Mục tiêu 15.5.</p> <p>- Đến năm 2020, thực hiện rà soát và có các giải pháp bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, nơi cư trú tự nhiên, bảo vệ và ngăn chặn nguy cơ tuyệt chủng của các loài động, thực vật nguy cấp; suy giảm của các loài có giá trị.</p> <p>- Từ năm 2021 đến năm 2030: chấm dứt sự suy thoái nơi cư trú tự nhiên, các hệ sinh thái, bảo vệ và ngăn chặn nguy cơ tuyệt chủng của các loài động, thực vật nguy cấp</p>	<p>Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường</p> <p>Phối hợp: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn; các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố, đoàn thể và tổ chức xã hội</p>	<p>- Triển khai Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Nghị quyết số 236/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 của HĐND tỉnh về những chủ trương, giải pháp tăng cường công tác quản lý bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ninh đến giai đoạn 2016 – 2020, trong đó có các nhiệm vụ:</p> <p>+ Điều tra, kiểm kê, đánh giá tiềm năng, giá trị, thực trạng và xu hướng diễn biến, xác định hình thức phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng của tỉnh; tham mưu, đề xuất các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen các loài nguy cấp, quý, hiếm, ưu tiên bảo vệ, các loài có giá trị trong tỉnh.</p> <p>+ Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đa dạng sinh học đối với các hệ sinh thái tự nhiên, các loài nguy cấp, quý, hiếm, ưu tiên bảo vệ, các loài có giá trị trong tỉnh.</p>
<p>Mục tiêu 15.6. Đảm bảo chia sẻ công bằng và bình đẳng lợi ích từ việc sử dụng các nguồn gen và tăng cường tiếp cận hợp lý các nguồn gen theo cam kết quốc tế</p>	<p>Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường</p> <p>Phối hợp: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn; các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố, đoàn thể và tổ chức xã hội</p>	<p>- Triển khai Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen theo thẩm quyền được phân công, trong đó có các nhiệm vụ:</p> <p>+ Tổ chức điều tra, thống kê, kiểm kê, đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học, đánh giá các hệ sinh thái, loài hoang dã nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (không bao gồm giống cây trồng, giống vật nuôi, vi sinh vật và nấm) và nguồn gen bị suy thoái; đề xuất và triển khai thực hiện các giải pháp, mô hình bảo tồn, phục hồi, sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học tại địa phương;</p> <p>+ Hướng dẫn, tổ chức điều tra, lập Danh mục loài ngoại lai xâm hại và thực hiện các giải pháp ngăn ngừa, kiểm soát các loài sinh vật ngoại lai xâm hại; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý loài ngoại lai xâm hại trên địa bàn tỉnh; tiếp nhận, xử lý thông tin, dữ liệu về các sinh vật biến đổi gen và sản phẩm, hàng hóa có nguồn gốc từ sinh vật biến đổi gen; hướng dẫn kiểm tra các hoạt động về quản lý nguồn gen trên địa bàn tỉnh</p>
<p>Mục tiêu 15.7. Ngăn chặn và xử lý các hành động khai thác, buôn bán và tiêu thụ trái phép các loài động, thực vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng và các sản phẩm của chúng</p>	<p>Chủ trì: Sở Nông nghiệp và PTNT;</p> <p>Phối hợp: Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội tỉnh</p>	<p>- Thúc đẩy sự tham gia rộng rãi của cộng đồng và các phương tiện thông tin đại chúng trong phát hiện, ngăn chặn các hành vi khai thác, buôn bán và tiêu thụ trái phép động, thực vật hoang dã.</p> <p>- Thực hiện cơ chế phối hợp liên ngành giữa các lực lượng cảnh sát môi trường, quản lý thị trường, hải quan, kiểm lâm, kiểm ngư trong việc phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi khai thác, buôn bán, tiêu thụ trái phép động,</p>

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
		thực vật hoang dã. - Vận động, tuyên truyền rộng rãi về việc không tiêu thụ, sử dụng sản phẩm từ động vật hoang dã.
<p>Mục tiêu 15.8. Đến năm 2020, thực hiện đảm bảo 100% các loài ngoại lai trên địa bàn tỉnh được đưa vào danh mục kiểm soát, cập nhật định kỳ và có các biện pháp quản lý phù hợp.</p>	<p>Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường Phối hợp: Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội tỉnh</p>	- Triển khai Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, trong đó có các nhiệm vụ: + Điều tra thực trạng các loài sinh vật ngoại lai xâm hại và có nguy cơ xâm hại trên phạm vi toàn tỉnh; đặc biệt chú trọng các khu bảo tồn thiên nhiên, hệ sinh thái nông nghiệp và hệ sinh thái rừng. + Tăng cường hợp tác, trao đổi và học tập kinh nghiệm nâng cao năng lực kỹ thuật, chuyên môn của các cơ quan, đơn vị các cấp về quản lý an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen. + Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, nguồn lực thực hiện các biện pháp kiểm tra, kiểm soát rủi ro của sinh vật biến đổi gen đối với môi trường và đa dạng sinh học. + Xây dựng và ban hành các văn bản pháp luật về nghĩa vụ pháp lý và bồi thường trong hoạt động quản lý an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen.
<p>Mục tiêu số 16: Thúc đẩy xã hội hòa bình, công bằng, bình đẳng và phát triển bền vững, tạo khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người; xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và có sự tham gia ở các cấp</p>		
<p>Mục tiêu 16.1. Phòng ngừa và giảm đáng kể tình trạng xâm hại, bóc lột, mua bán và tất cả các hình thức bạo lực và tra tấn trẻ em và người chưa thành niên</p>	<p>Chủ trì: Công an tỉnh Phối hợp: Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội tỉnh</p>	Tham gia xây dựng, triển khai hiệu quả hệ thống pháp luật về mua bán người và Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2016-2020. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện pháp luật về phòng, chống mua bán người; đấu tranh, xử lý nghiêm, phối hợp đưa ra truy tố, xét xử công khai các hành vi xâm hại, mua bán trẻ em và các vụ án mua bán người. Tăng cường các hoạt động truyền thông, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của xã hội về phòng, chống mua bán người. Chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về phòng chống bạo lực; tham mưu, hướng dẫn và phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội trong việc tuyên truyền, giáo dục để phòng ngừa các hình thức bạo lực.
<p>Mục tiêu số 16.2. Phòng ngừa và giảm đáng kể tình trạng xâm hại, bóc lột, mua bán và tất cả các hình thức bạo lực và tra tấn trẻ em và người chưa thành niên</p>	<p>Chủ trì: Sở Lao động- Thương binh và Xã hội Phối hợp:</p>	- Xây dựng, ban hành các nghị quyết, chỉ thị, chương trình, kế hoạch bảo vệ, chăm sóc trẻ em; đưa chỉ tiêu tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, giảm tỷ lệ trẻ em bị xâm hại, bóc lột, mua bán lồng ghép vào phát triển kinh tế xã hội hàng năm và giai đoạn 5 năm ở 3 cấp tỉnh, huyện, xã. - Thực hiện hiệu quả Luật trẻ em, các chính

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
		<p>sách hiện hành của Nhà nước về Bảo vệ, chăm sóc trẻ em đặc biệt là các chính sách, chương trình, mô hình trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị xâm hại, bạo lực, mua bán.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em; tăng cường thanh tra, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em; xử lý kịp thời các vụ việc vi phạm quyền trẻ em, chế độ, chính sách dành cho trẻ em. - Nâng cao hiệu quả các dịch vụ CTXH, dịch vụ tư vấn trợ giúp trẻ em, trẻ em bị xâm hại, bạo lực, mua bán; phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em tại cộng đồng để kịp thời phát hiện xử lý các vấn đề xâm hại, bạo lực, buôn bán trẻ em. - Tổ chức chiến dịch truyền thông về bảo vệ trẻ em ở các cấp hàng năm nhằm thay đổi nhận thức, nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, gia đình và toàn xã hội về bảo vệ trẻ em vào dịp Tháng hành động vì trẻ em và kỳ nghỉ hè. Tuyên truyền trực tiếp cho đối tượng tại cộng đồng, trường học, cơ sở trợ giúp trẻ em bằng các hình thức phù hợp với đối tượng. - Tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục, bạo lực, mua bán cho trẻ em, ưu tiên đối tượng trẻ em có HCDB, trẻ em có nguy cơ rơi vào HCDB nhằm nâng cao khả năng phòng ngừa, tự bảo vệ cho trẻ; giáo dục kỹ năng làm cha mẹ, nâng cao kiến thức, vai trò, trách nhiệm của cha mẹ trong việc bảo vệ trẻ em.
<p>Mục tiêu 16.3: Thúc đẩy pháp quyền, đảm bảo tiếp cận công lý bình đẳng cho tất cả mọi người</p>	<p>Chủ trì: Sở Tư pháp Phối hợp: Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội tỉnh</p>	<p>Đẩy mạnh cải cách tư pháp. Tiếp tục xây dựng đồng bộ, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật. Đổi mới tư duy và quy trình xây dựng pháp luật, nâng cao chất lượng hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức người dân trên địa bàn tỉnh về nhà nước pháp quyền và quyền tiếp cận công lý bình đẳng. - Tăng cường thực thi các chính sách, pháp luật không phân biệt đối xử vì sự phát triển bền vững - Tăng cường vai trò giám sát của các cơ quan dân cử, của công luận và của nhân dân đối với hoạt động tư pháp.
<p>Mục tiêu 16.4: Đến năm 2030, giảm đáng kể các dòng vũ khí và tài chính trái phép; tăng cường phục hồi và hoàn trả tài sản bị đánh cắp, đấu tranh với tất cả các loại hình tội phạm có tổ chức</p>	<p>Chủ trì: Công an tỉnh Phối hợp: Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội tỉnh</p>	<p>Đẩy mạnh công tác phòng ngừa xã hội, phòng ngừa nghiệp vụ, coi trọng sử dụng biện pháp hành chính trong phòng ngừa tội phạm; tập trung rà soát, chuyên hóa các địa bàn trọng điểm, phức tạp ANTT, tích cực xây dựng, nhân rộng các mô hình, điển hình phòng, chống tội phạm. Thường xuyên mở các đợt cao điểm, chiến dịch tấn công, trấn áp tội</p>

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
		<p>phạm, không để tội phạm “lộng hành”; hạn chế tối đa các vụ việc vi phạm về hình sự, ma túy, kinh tế, môi trường, an toàn thực phẩm gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng; tăng cường giám sát, kiểm tra, hướng dẫn, bảo đảm chấp hành nghiêm minh các quy định pháp luật trong điều tra hình sự, không hình sự hóa các quan hệ dân sự, kinh tế. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố, tội phạm và ngăn chặn bạo lực; tăng cường công tác phối hợp phòng, chống tội phạm ở khu vực biên giới, trên biển.</p> <p>Hỗ trợ, tạo thuận lợi cho việc cư trú của người dân một cách có trật tự, an toàn, được quản lý chặt chẽ, thường xuyên. Ngăn chặn, làm giảm đáng kể hoạt động mua bán, vận chuyển trái phép vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.</p>
<p>Mục tiêu 16.5. Giám đánh kể mọi loại hình tham nhũng và hối lộ</p> <p>Mục tiêu 16.5.b. Giám đánh kể mọi loại hình tham nhũng và hối lộ</p>	<p>- Chủ trì: Sở Nội vụ; - Phối hợp: Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội tỉnh</p> <p>Chủ trì: Thanh tra tỉnh; Phối hợp: Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị- đoàn thể tỉnh</p> <p>Cơ quan chủ trì: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ninh * Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>	<p>- Cải cách cơ bản chế độ tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức; - Nâng cao phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng và phát triển toàn diện nguồn nhân lực của tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 (Đề án 293)</p> <p>- Công khai, minh bạch tài sản của cán bộ, công chức, viên chức; - Sớm phòng ngừa, phát hiện, xử lý người có hành vi tham nhũng và quy rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan; - Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các cơ quan chức năng trong việc chống tham nhũng và hối lộ. - Tiếp tục thực hiện Đề án Phát triển ngành Thanh tra tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định 3276/QĐ-UBND ngày 4/10/2016 của UBND tỉnh.</p> <p>Tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, nhân dân và các cơ quan thông tin đại chúng trong việc phát hiện, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.</p>
<p>Nhiệm vụ 16.6: Xây dựng thể chế minh bạch, hiệu quả và có trách nhiệm giải trình ở tất cả các cấp</p>	<p>Chủ trì: Sở Tư pháp Phối hợp: Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh</p>	<p>- Phối hợp tham mưu UBND tỉnh xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật một cách đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, với chi phí tuân thủ thấp, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh</p> <p>- Xây dựng và thực hiện nguyên tắc phân công, phối hợp, kiểm soát quyền lực nhà nước; tăng cường hiệu quả quản trị nhà nước; tăng cường tính công khai, minh bạch, trách nhiệm</p>

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
		<p>giải trình trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước, các thiết chế trong hệ thống chính trị.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện và tổ chức thực thi pháp luật, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, tính liên thông, gắn kết mật thiết giữa công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.
<p>Nhiệm vụ 16.7: Đảm bảo quá trình ra quyết định mang tính phản hồi, bao trùm, có sự tham gia của người dân và mang tính đại diện ở tất cả các cấp</p>	<p>Chủ trì: Sở Tư pháp Phối hợp: Sở Nội vụ, Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên, Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh</p> <p>Chủ trì: Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ninh Phối hợp: Các Sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp; các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội; giám sát thực thi chính sách; tăng cường phản biện xã hội; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân. - Tổ chức tuyên truyền rộng rãi về quyền của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước. - Thực hiện hiệu quả Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh. <p>Tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ninh, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các cơ quan, tổ chức khác trong việc tham gia vào quá trình ra quyết định xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và có sự tham gia ở các cấp</p>
<p>Nhiệm vụ 16.8: Đến năm 2030, cấp nhận dạng pháp lý cho tất cả mọi người, gồm cả đăng ký khai sinh</p>	<p>Chủ trì: Sở Tư pháp Phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai thực hiện tốt Luật Căn cước công dân và Luật Hộ tịch, chú trọng miền núi, dân tộc thiểu số, nhóm nhập cư. Định kỳ đánh giá, tổng kết việc thực hiện 2 Luật và kiến nghị sửa đổi Luật cho phù hợp với thực tiễn. - Xây dựng, áp dụng cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử tại tất cả các cơ quan đăng ký hộ tịch theo hướng dẫn chỉ đạo của Bộ Tư pháp.
<p>Nhiệm vụ 16.9: Đảm bảo mọi người dân được tiếp cận thông tin và bảo vệ các quyền tự do cơ bản theo pháp luật Việt Nam và các hiệp ước quốc tế Việt Nam đã ký kết</p>	<p>Chủ trì: Sở Tư pháp Phối hợp: Sở Ngoại vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ngành có liên quan, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện tốt Luật Tiếp cận thông tin. - Các Sở, ngành và các địa phương vận hành hiệu quả cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu thông tin mà cơ quan có trách nhiệm cung cấp theo quy định của pháp luật; củng cố, kiện toàn công tác văn thư, lưu trữ, thống kê; trang bị phương tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin và điều kiện cần thiết khác để người yêu cầu có thể trực tiếp đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu tại trụ sở cơ quan nhà nước và qua mạng điện tử. - Tăng cường cung cấp thông tin thông qua hoạt động của người phát ngôn của cơ quan, đơn vị và phương tiện thông tin đại chúng. - Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để mọi người dân nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật.
<p>Mục tiêu 17. Tăng cường phương thức thực hiện và thúc đẩy đối tác toàn cầu vì sự phát triển bền vững</p>		

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
<p>Mục tiêu 17.1: Xúc tiến thương mại, nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng trong xuất khẩu. Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng xuất khẩu trên 10%/năm.</p>	<p>Chủ trì: Sở Công thương Phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu tiếp tục thực hiện đầy đủ các cam kết gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). - Tăng xuất khẩu sản phẩm chế biến đối với nhóm hàng nhiên liệu, khoáng sản, tận dụng các cơ hội thuận lợi về thị trường và giá cả để tăng giá trị xuất khẩu. - Nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng; hướng mạnh vào chế biến sâu, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến đối với nhóm hàng nông, lâm, thủy sản. - Nghiên cứu thị trường, tăng cường tiếp cận thông tin nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp. - Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu; củng cố thị trường hàng hóa Việt Nam tại thị trường truyền thống; tạo bước đột phá mở rộng các thị trường xuất khẩu mới có tiềm năng.
<p>Mục tiêu 17.2. Lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm và hàng năm</p>	<p>Chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư Phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.</p>	<p>Triển khai thực hiện chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh Tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016-2020 theo Kế hoạch số 6970/KH-UBND ngày 16/11/2015 của UBND tỉnh; Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 28/7/2014 của UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và ngoài 2050.</p>
<p>Mục tiêu 18. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</p>		
<p>Mục tiêu 18.1: Đến năm 2020 toàn tỉnh có 89 xã đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới; phần đầu đến năm 2030 toàn tỉnh có 111/111 xã đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới.</p>	<p>Chủ trì: Ban Xây dựng nông thôn mới. Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; đoàn thể, tổ chức chính trị-xã hội tỉnh.</p>	<p>Thực hiện Quyết định số 4335/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND tỉnh “Về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2016-2020”.</p>
<p>Mục tiêu 18.2: Đến năm 2020 toàn tỉnh có 6/13 đơn vị cấp huyện đạt tiêu chí và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; Đến năm 2030 toàn tỉnh có 13/13 đơn vị cấp huyện đạt tiêu chí và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.</p>	<p>Chủ trì: Ban Xây dựng nông thôn mới. Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; đoàn thể, tổ chức chính trị-xã hội tỉnh.</p>	<p>Thực hiện Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới</p>
<p>Mục tiêu 18.3: Đến năm 2020 có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới triển khai xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu; Đến năm 2030 có 80% số xã đạt xã nông thôn mới kiểu mẫu.</p>	<p>Chủ trì: Ban Xây dựng nông thôn mới. Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; đoàn thể, tổ chức chính trị-xã hội tỉnh.</p>	<p>Thực hiện Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh</p>
<p>Mục tiêu 18.4: Đến năm 2020 có 50% số thôn đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; Đến năm 2030 có 90% số thôn đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.</p>	<p>Chủ trì: Ban Xây dựng nông thôn mới. Phối hợp: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; đoàn thể, tổ chức chính trị-xã hội tỉnh.</p>	<p>Thực hiện Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND tỉnh “Ban hành Bộ tiêu chí Khu dân cư (thôn) nông thôn mới kiểu mẫu áp dụng trên địa bàn các xã thuộc tỉnh Quảng Ninh”.</p>

Nhiệm vụ	Phân công trách nhiệm	Nội dung thực hiện
Mục tiêu 18.5: Đến năm 2020 toàn tỉnh xây dựng 5.000 vườn mẫu đạt chuẩn; Đến năm 2020 toàn tỉnh xây dựng 10.000 vườn mẫu đạt chuẩn.	Chủ trì: Ban Xây dựng nông thôn mới. Phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND tỉnh “Ban hành Bộ tiêu chí tạm thời xây dựng vườn mẫu nông thôn mới áp dụng trên địa bàn các thôn thuộc tỉnh Quảng Ninh”.
Mục tiêu 19. Thực hiện Thu, chi ngân sách nhà nước		
<ul style="list-style-type: none"> - Thu NSNN (nội địa) tăng 10% so với TH năm trước. - Thu XNK phần đầu đạt và vượt chỉ tiêu KHTW giao - Tỷ trọng chi cho đầu tư phát triển từ NSNN không thấp hơn tỷ trọng thực hiện năm trước. - Thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên để dành nguồn lực cho đầu tư phát triển để đảm bảo có nguồn lực cho an sinh xã hội. 	Chủ trì: Sở Tài chính chủ trì. Phối hợp: Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ thu, chi ngân sách theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV; Nghị quyết số 85/NQ-HĐND tỉnh ngày 82/2017/NQ-HĐND ngày 27/10/2017 về kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020. - Thực hiện Chương trình hành động số 13-CTr/TU ngày 07/6/2017 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững.